

Số: /TB-HĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024

## THÔNG BÁO

### **Kết luận của Chủ tịch Hội đồng trường về công tác giám sát chuyên đề “Triển khai bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội” (VNU-Tests)**

Căn cứ nhiệm vụ do Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) giao tại Công văn số 4162/ĐHQGHN-ĐT ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc triển khai Đề án “Xây dựng định dạng và tổ chức bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội” (VNU-Tests);

Căn cứ kết luận của Tập thể lãnh đạo trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN tại Hội nghị tháng 9/2024 (Thông báo số 1506/TB-ĐHNN ngày 06/9/2024);

Căn cứ kế hoạch số 1545/KH-HĐT của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN ngày 10/9/2024 về kế hoạch giám sát chuyên đề “Triển khai bài thi VNU – Tests”;

Căn cứ buổi làm việc ngày 21/10/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường, Ban Kiểm soát Hội đồng trường với Phó Hiệu trưởng phụ trách và các đơn vị liên quan về công tác triển khai bài thi VNU – Tests.

Chủ tịch Hội đồng trường Đỗ Tuấn Minh kết luận:

#### **1. Về quy trình xây dựng định dạng đề thi và ngân hàng đề thi VNU - Tests:**

Công tác xây dựng đề thi khoa học, chặt chẽ đúng quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội. Đề thi do Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN soạn thảo và đưa vào sử dụng đáp ứng các quy định của ĐHQGHN: (i) Đảm bảo đánh giá được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; (ii) Các câu hỏi thi và đề thi được xây dựng theo đúng hướng dẫn; bám sát định dạng đề thi và hướng dẫn làm đề thi theo từng định dạng đề thi; đảm bảo chính xác, khoa học, chặt chẽ, rõ ràng; (iii) Các đề thi theo cùng một định dạng phải tương đương nhau về độ khó; (iv) Đề thi, đáp án, hướng dẫn chấm thi phải được bảo mật trước, trong và sau khi thi.

Ngân hàng đề thi được thực hiện theo các bước chặt chẽ, đúng quy trình: (i) Xây dựng câu hỏi thô; (ii) Thẩm định câu hỏi thô; (iii) Điều chỉnh; (iv) Chuẩn hóa; (v) Đưa vào sử dụng; (vi) Phân tích kết quả thi; (vii) Điều chỉnh; (viii) Bổ sung ngân hàng theo năm. Ngân hàng đề thi được xây dựng theo ngoại ngữ và theo bậc. Các cán bộ tham gia xây dựng ngân hàng đề thi nắm vững đặc tả kỹ thuật đề thi và được tập huấn. Đề thi khi được đưa vào sử dụng đều được thẩm định để đánh giá tính chính xác, độ khó và khả năng phân biệt của từng câu hỏi. Điều này giúp đảm bảo rằng các câu hỏi không chỉ đúng về mặt kiến thức mà còn có độ khó phù hợp với năng lực của thí sinh.

## **2. Về công tác tổ chức thi:**

Công tác tổ chức thi được triển khai một cách khoa học đảm bảo tuân thủ đúng các quy định dựa trên các yếu tố đảm bảo chất lượng sau: (i) Tuân thủ quy trình tổ chức thi; (ii) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống biên bản, biểu mẫu; (iii) Phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan; (iv) Tập huấn các nội dung quan trọng.

## **3. Về chất lượng đội ngũ:**

- Nhân sự điều hành, tổ chức, coi thi được lựa chọn từ các đơn vị trong nhà trường theo đúng Quy định về Hội đồng thi.

- Đội ngũ tham gia xây dựng đề thi, chấm thi; quy trình đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ra đề thi đáp ứng yêu cầu Đề án:

+ Trải qua 03 đợt tập huấn trong năm 2024, đã có 255 giảng viên trong toàn trường được cấp giấy chứng nhận giám khảo chấm Nói và Viết bài thi VNU-Tests, trong đó có 130 giảng viên tiếng Anh và 125 giảng viên các ngoại ngữ khác

+ Tính đến thời điểm này đã có gần 60 giảng viên của 9 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn, Thái, và Ả rập được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn ra đề thi.

## **4. Đảm bảo chất lượng về bài thi:**

Chất lượng bài thi bám sát định dạng bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội đã công bố (Quyết định số 3176/QĐ-ĐHQGHN ngày 06 tháng 11 năm 2023) về: (i) Tiêu chuẩn đề thi;

(ii) Quy trình kiểm soát chất lượng đề thi và câu hỏi thi; (iii) Phân tích, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy của đề thi; đánh giá phổ điểm kết quả bài thi qua các lần tổ chức.

### **5. Đảm bảo chất lượng về kết quả thi:**

Kết quả thi được kiểm soát chặt chẽ tuân thủ đúng quy trình: (i) Cách thức kiểm soát chất lượng kỳ thi; (ii) Cách thức lưu trữ, bảo quản kết quả thi.

Tính đến ngày 31/10/2024 đã tổ chức được 05 kỳ thi VNU-Tests: Kỳ thi 1 ngày thi 13/01/2024; Kỳ thi 2 ngày thi 23/3/2024; Kỳ thi 3 ngày thi 12/5/2024; Kỳ thi 4 ngày thi 28/7/2024 và Kỳ thi 5 ngày thi 29/9/2024.

### **6. Một số khuyến nghị:**

Dưới đây là một số câu hỏi đặt ra đối với các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai bài thi VNU - Tests cũng như một số khuyến cáo nhằm đảm bảo chất lượng của bài thi:

- “Trường ĐHNN chịu trách nhiệm giải trình trước xã hội về định dạng, nội dung, cấu trúc bài thi, phân tầng đánh giá năng lực ngoại ngữ tương đương với bài thi theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.” Cần trả lời các câu hỏi: bài thi ĐGNLNN theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp có nét đặc trưng gì? Nó khác gì với bài thi VSTEP đã có? Trường Đại học Ngoại ngữ đã làm gì để bảo đảm đặc trưng của bài thi VNU-Tests?

- Mức độ tham khảo về chương trình, nội dung giảng dạy để đưa vào bài thi đến đâu? Việc cân bằng độ khó giữa các bài thi cùng thứ tiếng (cùng bậc trình độ và khác bậc trình độ) và giữa các bài thi các thứ tiếng được thực hiện như thế nào? Mức độ “tham gia” của người dạy vào quá trình đánh giá và công cụ đánh giá này như thế nào? Minh chứng cụ thể của những việc này có không?

- TT CNTT, TT&HL phối hợp phòng Đào tạo, TT Khảo thí cập nhật tính năng lọc danh sách thí sinh cho các đơn vị thành viên trong ĐHQGHN trên phần mềm tra cứu điểm thi để thuận tiện cho công tác thống kê.

- Cần đẩy mạnh việc giới thiệu, truyền thông về bài thi xác định CDR VNU-Tests bên cạnh các công cụ khảo thí đã có để sinh viên chủ động ôn tập, đăng ký thi.

- Các Khoa đào tạo cần xây dựng các tài liệu học tập, ôn tập theo định hướng yêu cầu của bài thi xác định CĐR nhằm bổ sung thêm cho sinh viên nguồn học liệu sát thực chuẩn bị cho các bài thi.

- Phòng Đào tạo phối hợp Trung tâm Khảo thí xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức thi bài thi VNU - Tests trên máy tính theo đúng lộ trình trong Đề án.

- Kết luận này đính kèm 02 phụ lục:

+ Phụ lục 1: báo cáo chuyên đề “*Triển khai bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội*” (VNU-Tests) của 02 đơn vị đầu mối (phòng Đào tạo và Trung tâm Khảo thí)

+ Phụ lục 2: báo cáo đánh giá kết quả giám sát chuyên đề, phân tích, tổng hợp và đưa ra một số khuyến nghị của Ban Kiểm soát Hội đồng trường.

Đề nghị các đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc Kết luận này nhằm hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

***Nơi nhận:***

- Đảng ủy (để b/c);
- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Phòng Đào tạo, TT Khảo thí (để t/h);
- Lưu: HCTH, HĐT, HN01.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Tuấn Minh**

**Phụ lục 1:**

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2024*

**BÁO CÁO****Giám sát chuyên đề về việc triển khai Bài thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ  
theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại ĐHQGHN (VNU-Tests)**

**I. Thông tin chung:** giới thiệu về bài thi VNU-Tests

**1.1. Bối cảnh ra đời, đặc điểm nổi bật của bài thi VNU-Tests**

Bài thi VNU-Tests ra đời trong bối cảnh những năm gần đây các chương trình đào tạo ở cả bậc đại học và sau đại học trong ĐHQGHN đều gặp phải những khó khăn liên quan đến chuẩn đầu ra (CĐR) và chuẩn đầu vào ngoại ngữ, cụ thể:

- Đối với bậc đại học, sinh viên của các trường thành viên trong ĐHQGHN, bao gồm cả trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN) không cung cấp được minh chứng CĐR ngoại ngữ để xét tốt nghiệp đúng hạn. Số lượng sinh viên có nộp minh chứng là chứng chỉ quốc tế thường không cao. Các minh chứng được quy định trong Hướng dẫn 4116/ĐHQGHN-ĐT của Giám đốc ĐHQGHN ban hành ngày 14 tháng 12 năm 2021 bao gồm các chứng chỉ quốc tế hoặc Chứng chỉ/Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ do Trường ĐHNN cấp. Đối với ĐHNN, sinh viên không chỉ cần cung cấp minh chứng cho CĐR ngoại ngữ chuyên mà cả minh chứng cho CĐR ngoại ngữ không chuyên để có thể xét tốt nghiệp.

- Đối với CTĐT bậc thạc sĩ, số lượng thí sinh trúng tuyển không nhiều do thí sinh không đáp ứng được yêu cầu về Chuẩn đầu vào ngoại ngữ thông qua việc nộp các Chứng chỉ Quốc tế hoặc tham gia bài thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ chuẩn hóa do ĐHNN tổ chức.

Điểm hạn chế của các bài thi quốc tế/chuẩn hóa phổ biến hiện tại chủ yếu nằm ở các yếu tố bao gồm:

- Chi phí thi thường khá cao: lệ phí thi của các bài thi quốc tế thường dao động trong khoảng 2 đến gần 5 triệu đồng. Ví dụ lệ phí thi năm 2023 của một số bài thi quốc tế - TOEIC Speaking & Writing: 2.125.000; IELTS: 4.664.000, TOEFL-iBT: 4.740.000).

- Việc tiếp cận các bài thi khó linh hoạt: do nguyên nhân thời gian hoặc địa điểm tổ chức không phù hợp đối với thí sinh dự thi,

- Nội dung được thiết kế để đánh giá năng lực ngoại ngữ nói chung có thể không hoàn toàn phù hợp với các đối tượng thuộc các định hướng nghề nghiệp khác nhau,

- Độ khó thường bao quát nhiều bậc năng lực: ví dụ, bài thi TOEFL-iBT và IELTS đánh giá các bậc năng lực từ Bậc 1 (A1) đến Bậc 6 (C2), bài thi VSTEP.3-5 đánh giá các bậc năng lực từ Bậc 3 (B1) đến Bậc 5 (C1). Do vậy, trong các bài thi này có những nội dung cao hơn bậc năng lực yêu cầu theo CĐR hoặc Chuẩn đầu vào ngoại ngữ của sinh viên và học viên. Khi các thí sinh phải làm bài thi và trả lời các câu hỏi thuộc bậc năng lực cao hơn trình độ quá nhiều, thí sinh sẽ có thể cảm thấy áp lực, gặp phải những trở ngại tâm lý ảnh hưởng đến việc thể hiện đúng năng lực ngoại ngữ của mình, đặc biệt là trong những lĩnh vực mà sinh viên được học, được nghiên cứu và quan tâm.

Ngoài ra, một số ngoại ngữ không phổ biến như tiếng Ả Rập, tiếng Thái Lan, tiếng Lào hiện chưa có định dạng bài thi quốc tế nào đánh giá năng lực của người học và sử dụng ngoại ngữ.

Riêng với bài thi VSTEP.3-5 – bài thi ĐGNL tiếng Anh rất phổ biến với sinh viên và học viên trong ĐHQGHN – theo Quy định của Quy chế thi ĐGNLNN theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29/9/2019 được sửa đổi bổ sung bởi thông tư 24/2021/TT-BGDĐT ngày 08/9/2021, từ tháng 7/2023, bài thi VSTEP.3-5 chỉ được tổ chức theo hình thức thi trên máy tính. Như vậy, số kỳ thi cũng như số lượng thí sinh có thể tham dự mỗi kỳ thi đều sẽ hạn chế hơn hiện tại. Sinh viên và học viên trong ĐHQGHN có thể sẽ gặp khó khăn hơn trong quá trình đăng ký thi và dự thi. Bên cạnh đó, hình thức thi trên máy tính cũng có những điểm chưa phù hợp hoặc có thể gây trở ngại cho những nhóm thí sinh nhất định, từ đó ảnh hưởng chung đến việc đánh giá năng lực ngoại ngữ của thí sinh.

Trong bối cảnh đó, bài thi VNU-Tests được xây dựng nhằm mục đích cụ thể như sau:

- Bài thi được thiết kế nhằm mục đích tạo điều kiện cho người học có thêm lựa chọn để có được minh chứng về năng lực ngoại ngữ, được áp dụng song song với các bài thi quốc tế/chuẩn hóa trong danh mục quy định. Bài thi đánh giá đủ bốn kỹ năng ngôn ngữ (Nghe – Nói – Đọc – Viết), có thời lượng phù hợp với từng bậc năng lực và được tổ chức theo quy trình của các bài thi chuẩn hóa.

- Bài thi được xây dựng theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp nhằm bổ sung cho các bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tổng quát hoặc theo hướng học thuật đang tồn tại, đáp ứng nhu cầu và thể mạnh đa dạng của các đối tượng thí sinh khác nhau. Sinh viên trong ĐHQGHN và những người dự thi (có kế hoạch dự tuyển vào các chương trình đào tạo thạc sĩ ở ĐHQGHN) sẽ được thể hiện những kiến thức, năng lực ngoại ngữ thuộc lĩnh vực nghề nghiệp mà mình đã được đào tạo ở bậc đại học. Để thực hiện điều này, nội dung bài thi được thiết kế dựa trên đặc thù quá trình học tập của sinh viên/học viên. Ngữ liệu để xây dựng các câu hỏi trong bài thi bám sát nội dung giảng dạy ngoại ngữ trong chương trình đại học. Các tác vụ là các hoạt động ngôn ngữ quen thuộc, gần gũi và cần thiết phục vụ công tác học tập và làm việc của người học trong khi học đại học và sau khi tốt nghiệp (đọc thông báo, nghe hướng dẫn, trình bày quan điểm, viết email, v.v.). Đặc biệt, phần thi Nói và Viết có các câu hỏi theo định hướng Khoa học xã hội và Nhân văn hoặc Khoa học tự nhiên và Công nghệ để thí sinh lựa chọn.

- Để đảm bảo tính hướng đích, phù hợp cho từng nhóm đối tượng thí sinh, bài thi ĐGNLNN (đánh giá 10 ngoại ngữ khác nhau) được thiết kế để đánh giá theo ba bậc năng lực ngoại ngữ (các bài thi cắt ngang) – Bậc 3, Bậc 4 và Bậc 5 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Đây là các bậc năng lực được quy định là CĐR ngoại ngữ của bậc đại học và chuẩn ngoại ngữ để xét tuyển sinh trình độ thạc sĩ. Đối tượng áp dụng mà bài thi hướng tới bao gồm:

+ Bài thi ĐGNLNN theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp Bậc 3: được áp dụng để xét CĐR ngoại ngữ cho sinh viên thuộc CTĐT chuẩn ở bậc Đại học và chuẩn ngoại ngữ để xét tuyển sinh trình độ thạc sĩ của các đơn vị thành viên, trực thuộc trong ĐHQGHN.

+ Bài thi ĐGNLNN theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp Bậc 4: được áp dụng để xét CĐR ngoại ngữ cho sinh viên thuộc CTĐT Chất lượng cao hoặc Tài năng ở bậc Đại học.

+ Bài thi ĐGNLNN theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp Bậc 5: được áp dụng để xét CĐR ngoại ngữ chuyên cho sinh viên thuộc CTĐT Sư phạm Ngoại ngữ hoặc Ngôn ngữ.

- Bài thi được xây dựng với chi phí hợp lý (800.000/thí sinh – sinh viên ĐHNN có các ưu đãi riêng), tổ chức tại ĐHNN vào các mốc thời gian phù hợp với kế hoạch năm học của ĐHNN và các mốc quan trọng của ĐHQGHN (ví dụ: tuyển sinh sau đại học) – tần suất 2 tháng/lần, mỗi ngoại ngữ được tổ chức 2-6 đợt thi/năm.

Tóm lại, bài thi VNU-Tests được thiết kế với mục tiêu tạo ra một công cụ đánh giá năng lực ngoại ngữ đáng tin cậy và phù hợp, theo đúng các quy định về CĐR ngoại ngữ bậc đại học và chuẩn ngoại ngữ để xét tuyển sinh trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Thí sinh là sinh viên trong ĐHQGHN và ứng viên có nguyện vọng tham gia xét tuyển sinh trình độ thạc sĩ vào các đơn vị thành viên, trực thuộc trong ĐHQGHN. Các thí sinh lựa chọn bài thi phù hợp với năng lực và yêu cầu của CTĐT để đăng ký dự thi. Kết quả thi được công nhận trong nội bộ các đơn vị thành viên, trực thuộc trong ĐHQGHN và có thể chuyển tiếp từ bậc ĐH lên bậc SĐH (bậc thạc sĩ).

### ***1.2. Quy trình xây dựng và triển khai bài thi VNU-Tests***

Để một kỳ thi có chất lượng, đánh giá đúng và công bằng năng lực của thí sinh, việc xây dựng quy trình và triển khai xây dựng định dạng đề thi và ngân hàng đề thi rất quan trọng. Ban giám hiệu Trường ĐHNN - ĐHQGHN luôn sát sao và chỉ đạo trực tiếp về công tác xây dựng đề thi khoa học, chặt chẽ đúng quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội. Đề thi do Trường ĐHNN - ĐHQGHN soạn thảo và đưa vào sử dụng đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: (1) Đảm bảo đánh giá được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; (2) Các câu hỏi thi và đề thi được xây dựng theo đúng hướng dẫn; bám sát định dạng đề thi và hướng dẫn làm đề thi theo từng định dạng đề thi; đảm bảo chính xác, khoa học, chặt chẽ, rõ ràng; (3) Các đề thi theo cùng một định dạng phải tương đương nhau về độ khó; (4) Đề thi, đáp án, hướng dẫn chấm thi phải được bảo mật trước, trong và sau khi thi.



Trường ĐHNN-ĐHQGHN đã ban hành các văn bản/quyết định liên quan tới đề thi như sau:

- Quyết định 1312/QĐ-ĐHNN, 09/6/2023 về việc thành lập tổ chuyên trách xây dựng cấu trúc định dạng bài thi ĐGNLNN theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại ĐHQGHN.

- Quyết định 2149/QĐ-ĐHNN, 15/9/2023 về việc thành lập Hội đồng thẩm định, nghiệm thu cấu trúc định dạng bài thi ĐGNLNN theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại ĐHQGHN.

- Quyết định 3176/QĐ-ĐHNN, 06/11/2023 về việc ban hành định dạng bài thi ĐGNLNN theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại ĐHQGHN.

- Quyết định 67/QĐ-ĐHNN, 07/12/2023 về việc Thành lập nhóm chuyên trách xây dựng ngân hàng đề thi ĐGNLNN theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại ĐHQGHN.

Ngân hàng đề thi VNU-Tests được thực hiện theo các bước chặt chẽ. Trước tiên, việc nghiên cứu xây dựng định dạng đề thi và bảng đặc tả kỹ thuật được trường tiến hành nghiêm túc và khoa học. Xác định mục đích bài thi là bước nền tảng để xây dựng định dạng cũng như nội dung đánh giá của bài thi. Bài thi VNU test được xây dựng nhằm mục đích (1) Xét chuẩn đầu ra cho sinh viên trong ĐHQGHN và (2) Xét chuẩn đầu vào cho học viên SDH trong ĐHQGHN. Với mục đích này, bài thi VNU-Tests đánh giá cả 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết với các kiến thức và tiểu kỹ năng ngôn ngữ theo yêu cầu chuẩn đầu ra và chuẩn đầu vào bám sát khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Bên cạnh những kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ, bài thi VNU test còn kiểm tra tư duy logic và khả năng giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp xã hội và công việc.

Để xây dựng định dạng đề thi, trường ĐHNN đã tiến hành nghiên cứu các định dạng đề thi ĐGNLNN trong nước và quốc tế trong đó có xét tới tính đặc thù của các ngôn ngữ khác nhau. Để đảm bảo, ngân hàng đề thi được xây dựng chuẩn hóa, độ khó của các đề thi là tương đương nhau, ma trận độ khó và bảng đặc tả kỹ thuật của đề thi VNU-Tests được xây dựng chi tiết giúp cho công tác xây dựng các tiêu mục đề thi và đề thi chặt chẽ, khoa học.

Ngân hàng đề thi được xây dựng theo quy trình: (1) Xây dựng câu hỏi thô; (2) Thẩm định câu hỏi thô; (3) Điều chỉnh; (4) Chuẩn hóa; (5) Đưa vào sử dụng; (6) Phân tích kết quả thi; (7) Điều chỉnh; (8) Bổ sung ngân hàng theo năm.

Ngân hàng đề thi được xây dựng theo ngoại ngữ và theo bậc. Các cán bộ tham gia xây dựng ngân hàng đề thi nắm vững đặc tả kỹ thuật đề thi và được tập huấn. Đề thi khi được đưa vào sử dụng đều được thẩm định để đánh giá tính chính xác, độ khó và khả năng phân biệt của từng câu hỏi. Điều này giúp đảm bảo rằng các câu hỏi không chỉ đúng về mặt kiến thức mà còn có độ khó phù hợp với năng lực của thí sinh. Bài thi của thí sinh được chấm theo quy trình chặt chẽ. Bài tự Nghe và Đọc được chấm bằng máy quét chuyên dụng, bài Nói và Viết được chấm 2 vòng độc lập. Dữ liệu bài thi được phân tích để đánh giá phổ điểm, độ khó, độ phân biệt để có những đánh giá, cải tiến cho ngân hàng đề thi.

## **II. Các yếu tố đảm bảo chất lượng của bài thi VNU-Tests**

### ***2.1. Đảm bảo chất lượng tổ chức thi***

Công tác tổ chức thi hiện tại được triển khai một cách khoa học đảm bảo tuân thủ đúng các quy định dựa trên các yếu tố đảm bảo chất lượng sau:

#### ***2.1.1. Tuân thủ quy trình tổ chức thi***

Hiệu trưởng Trường ĐHNN đã ban hành Quyết định số 3382/QĐ-ĐHNN ngày 08 tháng 12 năm 2023 về Quy định tổ chức thi ĐGNLNN theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp của ĐHQGHN (VNU-Tests) tại Trường ĐHNN, ĐHQGHN. Trong quyết định có quy định rõ các nội dung liên quan đến Hội đồng thi (Chương III), Tổ chức thi (Chương IV). Các quy định này đều được tuân thủ chặt chẽ trong khâu tổ chức thi.

Đặc biệt, để khâu tổ chức thi được nhanh chóng, hiệu quả, hệ thống đăng ký và thanh toán trực tuyến đã được xây dựng. Thí sinh đăng ký dự thi/phúc khảo, thanh toán lệ phí thi/phúc khảo và tra cứu các thông tin về điểm thi trực tiếp trên hệ thống (<https://dangky.ulis.vnu.edu.vn/vnu-tests/>). Tất cả các thông tin cá nhân và hồ sơ thí sinh (CCCD/hộ chiếu, thẻ sinh viên) được lưu trên hệ thống giúp cho việc tra cứu, thống kê, sàng lọc và kiểm tra giám sát được dễ dàng và chính xác.

#### ***2.1.2. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống biên bản, biểu mẫu***

Kế thừa các kinh nghiệm từ việc xây dựng hệ thống biên bản, biểu mẫu của các kỳ thi quan trọng như tuyển sinh, thi VSTEP.3-5, hệ thống biên bản biểu mẫu của riêng bài thi VNU-Tests đã được xây dựng và hoàn thiện sau khi các kỳ thi chính thức được tiến

hành. Tính đến thời điểm hiện tại, hệ thống biên bản, biểu mẫu đã đầy đủ và được phân chia khoa học theo từng khâu trong quy trình tổ chức thi.

Các biên bản được hệ thống hóa và lưu theo từng kỳ thi theo đúng quy định để phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát khi có yêu cầu.

### *2.1.3. Phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan*

Công tác tổ chức thi được thực hiện thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị đầu mối liên quan

- Phòng Đào tạo: phụ trách chung về công tác tổ chức thi, xây dựng hệ thống infographic, sổ tay hướng dẫn cho thí sinh và đơn vị quản lý sinh viên; ra các quyết định, thông báo tổ chức kỳ thi và thành lập Hội đồng thi; phản hồi các câu hỏi của thí sinh, chuyển tiếp thông tin đến các đơn vị quản lý sinh viên để phối hợp truyền thông cho thí sinh; chuyển số liệu kỳ thi cho TTKT để phục vụ công tác đề thi, in sao.

- Trung tâm CNTT-TT&HL: phụ trách hệ thống đăng ký trực tuyến

- Phòng Quản trị và Trung tâm PTNL: phối hợp chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ kỳ thi, trực kỹ thuật (máy ghi âm, camera, đài, công từ ...)

- Phòng KH-TC: phụ trách rà soát, xác nhận việc nộp lệ phí dự thi của thí sinh

- Các Phòng ban, Trung tâm, Khoa/bộ môn trong trường: cử cán bộ thực hiện nhiệm vụ tại hội đồng thi theo công văn cử cán bộ của PĐT

- Các đơn vị quản lý sinh viên trong ĐHQGHN: phối hợp thông tin cho thí sinh về kỳ thi

Để đảm bảo sự phối hợp giữa các đơn vị đầu mối, các kênh liên lạc chung được thiết lập (Zalo nhóm phụ trách giáo viên, giáo vụ NN2, chuyên viên các Phòng đào tạo trong ĐHQGHN). Ngoài ra khi cần triển khai công việc hoặc có vấn đề phát sinh, PĐT chủ động liên hệ với nhân sự phụ trách ở các đơn vị liên quan để cùng phối hợp giải quyết.

### *2.1.4. Tập huấn các nội dung quan trọng*

Đối với mỗi kỳ thi VNU-Tests, hai nhóm đối tượng quan trọng là thí sinh và cán bộ tại Hội đồng thi luôn được tập huấn các nội dung quan trọng.

- Tập huấn thí sinh: trước ngày thi khoảng 03 ngày, thí sinh sẽ được thông báo về việc tham dự buổi tập huấn về định dạng đề thi, các điểm lưu ý trong ngày thi (thời gian, địa điểm tập trung, việc gửi tư trang, các vật dụng cá nhân được/không được mang vào khu vực thi), các mốc thời gian quan trọng (công bố danh sách, công bố điểm, đăng ký phúc khảo, cấp phát giấy chứng nhận) và các đầu mối phụ trách để thí sinh liên lạc khi cần.

- Tập huấn cán bộ tại Hội đồng thi: đầu buổi làm việc, Trưởng điểm thi và Trưởng thư ký sẽ tập huấn cán bộ (giám thi, giám sát), nhấn mạnh các bước trong quy trình, hiệu lệnh...

## **2.2. Đảm bảo chất lượng về đội ngũ**

### *2.2.1. Yêu cầu đối với nhân sự tổ chức, coi thi*

Nhân sự điều hành, tổ chức, coi thi được lựa chọn từ các đơn vị trong nhà trường theo đúng Quy định về Hội đồng thi.

- Chủ tịch, Phó chủ tịch: thành viên Ban Giám hiệu

- Ủy viên: các cán bộ quản lý

- Thư ký: các chuyên viên có kinh nghiệm

- Cán bộ coi thi, giám sát, tổ phục vụ: cán bộ thuộc các đơn vị trong nhà trường.

Dưới sự giám sát của Thanh tra nhà trường, các cán bộ trong Ban coi thi được yêu cầu tuân thủ đúng theo lịch trình và các quy định hiện hành của kiểm tra đánh giá. Các cán bộ chưa thực hiện đúng các quy định (đến muộn, nghỉ không lý do, chưa tuân thủ quy định) sẽ được nhắc nhở (hoặc bị lập biên bản tùy mức độ vi phạm) và gửi thông tin về đơn vị quản lý. Các nhân sự này có thể cân nhắc không mời tham gia Hội đồng thi vào các lần tiếp theo.

### *2.2.2. Yêu cầu đội ngũ tham gia xây dựng đề thi; chấm thi; quy trình đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ra đề thi*

Sau khi Đề án xây dựng bài thi VNU-Tests được chính thức thông qua, Trung tâm Khảo thí đã phối hợp với Phòng Tổ chức Cán bộ tổ chức các đợt tập huấn đội ngũ giám khảo chấm kỹ năng Nói và Viết. Yêu cầu tiên quyết với đội ngũ chấm thi VNU-Tests là cần hoàn thành tập huấn dành cho giám khảo. Trước khi bài thi VNU-Tests ra đời, Nhà trường đã có một đội ngũ cán bộ chấm thi dày dặn kinh nghiệm, đáp ứng đầy đủ các yêu

cầu về số năm kinh nghiệm công tác, chứng chỉ tập huấn giám khảo VSTEP (với bài thi tiếng Anh), kinh nghiệm chấm thi các bài thi đánh giá năng lực nội bộ (với các ngoại ngữ khác). Nhà trường đã tận dụng lợi thế này để gần như ngay lập tức xây dựng đội ngũ cán bộ chấm thi đủ về số lượng và mạnh về chất lượng. Với tiếng Anh, đội ngũ giảng viên chấm thi là giảng viên thuộc các Khoa đào tạo trong trường: Khoa Sư phạm tiếng Anh, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa các nước nói tiếng Anh, Khoa tiếng Anh, Khoa Đào tạo và Bồi dưỡng Ngoại ngữ và một số giảng viên hiện đang công tác ở các Trung tâm, Phòng ban chức năng. Nhiều thầy cô trong số này đã có chứng chỉ chấm thi Nói và Viết cho định dạng bài thi VSTEP. Đối với các Ngoại ngữ khác, thông qua đầu mối là Ban chủ nhiệm khoa và đội ngũ giáo vụ, Nhà trường huy động các thầy cô đang giảng dạy 8 ngoại ngữ: tiếng Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức, Nhật, Hàn Quốc, Thái Lan, và Ả Rập tham gia các đợt tập huấn. Đội ngũ này đã tham gia đánh giá kỹ năng Nói và Viết của các bài thi đánh giá năng lực theo định dạng cũ, và có nhiều kinh nghiệm trong công tác dạy học và kiểm tra đánh giá. Nội dung tập huấn cung cấp cho các thầy cô thông tin chung về bài thi VNU-Tests nói chung, và định dạng đề thi Nói và Viết nói riêng; cũng như quy trình hỏi thi và chấm thi Nói, chấm thi Viết. Tiếp theo, các thầy cô được làm quen với thang chấm và thực hành chấm trên một số ví dụ minh họa. Đây là cơ hội để đội ngũ cùng chia sẻ kinh nghiệm, nắm bắt các nguyên tắc trong chấm thi hai kỹ năng để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của công tác chấm thi. Trải qua **03 đợt tập huấn** trong năm 2024, đã có **255 giảng viên** trong toàn trường được cấp giấy chứng nhận **giám khảo chấm Nói và Viết** bài thi VNU-Tests, trong đó có **130 giảng viên tiếng Anh** và **125 giảng viên các ngoại ngữ khác**. Về cơ bản, đến thời điểm này, đội ngũ giám khảo chấm thi tiếng Anh đã tương đối đầy đủ. Trong thời gian tới, Trung tâm Khảo thí cùng với Phòng Tổ chức cán bộ sẽ tổ chức một đợt tập huấn giám khảo nữa dành cho giảng viên của các ngoại ngữ khác.

Về **đội ngũ cán bộ ra đề thi**, Nhà trường luôn đặt việc phát triển đội ngũ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Với kinh nghiệm nhiều năm tổ chức bài thi VSTEP cho tiếng Anh và đánh giá năng lực cho các ngoại ngữ khác, Nhà trường đã cử nhiều đợt cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước để hoàn thiện, nâng cao năng lực viết đề thi. Các khóa bồi dưỡng này do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án Ngoại ngữ Quốc gia tổ chức. Với bài thi VNU-Tests, đội ngũ ra đề thi cần là những giảng viên trong nhóm chuyên trách về khảo thí của các khoa và bộ môn, được đánh giá

có đủ năng lực và kinh nghiệm tham gia công tác ra đề thi. Khoa và Bộ môn chịu trách nhiệm đề cử cán bộ chuyên trách cho đơn vị mình, và gửi thông tin cán bộ cho Trung tâm Khảo thí. Với tiếng Anh, ưu tiên mời đội ngũ giảng viên đã có chứng chỉ ra đề thi VSTEP. Ngoài ra do yêu cầu về số lượng để xây dựng ngân hàng đề thi, các giảng viên khác phụ trách công tác kiểm tra đánh giá của các đơn vị cũng được huy động tham gia. Đội ngũ này tham gia các đợt tập huấn do Trung tâm Khảo thí phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ tổ chức về nguyên tắc xây dựng đề thi VNU-Tests, chia sẻ kinh nghiệm và thực hành viết đề thi. Tính đến thời điểm này đã có **gần 60 giảng viên của 9 thứ tiếng**: Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn, Thái, và Ả rập được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn ra đề thi. Dự kiến trong thời gian ngắn sắp tới sẽ tổ chức một đợt tập huấn nữa để bổ sung nhằm phát triển đội ngũ đáp ứng các yêu cầu về số lượng cũng như chất lượng.

### ***2.3. Đảm bảo chất lượng về bài thi***

#### *2.3.1. Tiêu chuẩn đề thi*

- Bám sát định dạng bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội đã công bố (Quyết định số 3176/QĐ-ĐHQGHN ngày 06 tháng 11 năm 2023) đối với 10 thứ tiếng được giảng dạy trong ĐHQGHN.

- Với mỗi định dạng bài thi có một bảng đặc tả kỹ thuật miêu tả chi tiết các yêu cầu liên quan đến ngữ liệu đầu vào của bài thi, độ khó của câu hỏi thi, cách thức xây dựng câu hỏi thi.

#### *2.3.2. Quy trình kiểm soát chất lượng đề thi và câu hỏi thi*

##### *a. Đối với tiếng Anh*

- Cán bộ ra đề thi được phân công ra đề thi phần nào sẽ nhận đặc tả kỹ thuật của phần thi đó (không nhận đặc tả kỹ thuật toàn bài thi) và ký biên bản bảo mật, nhằm đảm bảo việc bảo mật thông tin liên quan đến bài thi và công tác ra đề thi.

- Sau khi cán bộ ra đề thi hoàn thành việc viết câu hỏi thô, các câu hỏi thô sẽ chuyển về đầu mối phụ trách của Trung tâm Khảo thí. Đầu mối phụ trách chuyên câu hỏi thô

cho các phản biện. Các phản biện cũng chỉ được cung cấp đặc tả kỹ thuật của phần mình phụ trách phản biện (không nhận đặc tả kỹ thuật toàn bài thi) và ký biên bản bảo mật.

- Sau khi đầu mỗi phụ trách nhận ý kiến từ phản biện sẽ chuyển lại cho cán bộ ra đề thi để chỉnh sửa. Các câu hỏi thi được đánh giá đủ điều kiện và đưa vào ngân hàng đề thi.

- Với mỗi kỳ thi, cán bộ chuyên trách lựa chọn các câu hỏi thi từ ngân hàng đề thi ghép thành đề hoàn chỉnh, đề thi được rà soát, trộn mã, niêm phong và chuyển cho tổ công tác.

#### *b. Đối với các thứ tiếng khác*

- Bước 1, 2, 3, (như mô tả đối với tiếng Anh) do các Khoa phụ trách tiến hành.

- Đầu mỗi Trung tâm Khảo thí nhận các câu hỏi thi đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn từ đầu mỗi của các khoa, lưu ngân hàng đề thi.

- Với mỗi kỳ thi, cán bộ phụ trách thuộc Trung tâm Khảo thí ghép các câu hỏi thi được lấy từ ngân hàng đề thi thành đề thi hoàn chỉnh, và mời cán bộ chuyên môn lên Trung tâm Khảo thí đọc, rà soát đề thi đã được ghép, sau đó tiến hành trộn mã, niêm phong và chuyển cho tổ công tác.

*2.3.3. Phân tích, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy của đề thi; đánh giá phổ điểm kết quả bài thi qua các lần tổ chức.*

#### *a. Kỳ thi ngày 13/01/2024*

- Tiếng Anh bậc 3:

Kỹ năng Nghe: đã có 44 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 14.00/20 và độ lệch skewness có giá trị -0.60 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 5.00 đến 20.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 44 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 16.59/25 và độ lệch skewness ở mức -0.77 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn

độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 6.0 đến 23.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 44 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 3. Điểm trung bình ở mức 6.64/10 và độ lệch skewness ở mức -0.74 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 1.5 đến 10.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị 0.0 là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 44 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 19.02/25 và độ lệch skewness ở mức -0.77 cho thấy nhóm thí sinh có năng lực cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 6.0 đến 25.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

- Tiếng Anh bậc 4:

Kỹ năng Nghe: đã có 62 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 15.02/25 và độ lệch skewness ở mức gần 0 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 9.00 đến 21.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 62 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 15.19/30 và độ lệch skewness ở mức -0.32 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 7.0 đến 21.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 62 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 5.91/10 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 3.5 đến 9.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 62 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 15.26/25 và độ lệch skewness ở mức gần 0 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 5.0 đến 24.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

- Tiếng Anh bậc 5:



Kỹ năng Nghe: đã có 276 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 22.14/30 và độ lệch skewness ở mức -0.42 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 11.00 đến 29.00 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 276 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 21.05/35 và độ lệch skewness có giá trị -0.18 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 9.0 đến 32.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị 0.11 là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 276 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 5.82/10 và độ lệch skewness ở mức gần 0 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực của thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 2.5 đến 9.0 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 275 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 15.73/25 và độ lệch skewness ở mức -0.47 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 5.0 đến 23.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

*b. Kỳ thi ngày 23/03/2024*

- Tiếng Anh bậc 3:

Kỹ năng Nghe: đã có 124 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 13.06/20 và độ lệch skewness có giá trị -0.27 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 0.00 đến 20.00 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 124 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 15.52/25 và độ lệch skewness bằng 0 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 7.0 đến 25.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 124 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 3. Điểm trung bình ở mức 5.21/10 và độ lệch skewness ở mức gần 0 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 0.0 đến 9.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 122 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.55/25 và độ lệch skewness ở mức -0.66 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 5.0 đến 25.0 độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

- Tiếng Anh bậc 4:

Kỹ năng Nghe: đã có 176 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 13.20/25 và độ lệch skewness ở mức 0.26 cho thấy nhìn chung đề thi phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 6.00 đến 23.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 176 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.16/30 và độ lệch skewness ở mức gần 0 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 6.0 đến 26.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 176 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 5.88/10 và độ lệch skewness có giá trị gần 0 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 3.0 đến 8.5 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 169 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 16.06/25 và độ lệch skewness ở mức gần 0 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 6.0 đến 24.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

- Tiếng Anh bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 334 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.47/30 và độ lệch skewness ở mức 0.19 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 9.00 đến 27.00 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 334 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 20.81/35 và độ lệch skewness có giá trị gần 0 cho thấy đề thi khá phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 3.0 đến 31.0 là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 334 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 5.74/10 và độ lệch skewness ở mức -0.12 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 3.0 đến 8.0 và độ nhọn kurtosis gần 0 là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 329 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.08/25 và độ lệch skewness ở mức -0.23 cho thấy nhóm thí sinh có năng lực cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 9.0 đến 24.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

- Tiếng Pháp bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 36 thí sinh thi kỹ năng Nghe Tiếng Pháp bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 12.94/25 và độ lệch skewness ở mức 0.54 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 5.00 đến 23.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 36 thí sinh thi kỹ năng Đọc Tiếng Pháp bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 16.28/35 và độ lệch skewness ở mức 0.17 cho thấy bài thi tương đối phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 7.00 đến 28.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 36 thí sinh thi kỹ năng Viết Tiếng Pháp bậc 5. Điểm trung bình ở mức 5.93/10 và độ lệch skewness ở mức -0.32 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 1.50 đến 9.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 36 thí sinh thi kỹ năng Nói tiếng Pháp bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.53/25 và độ lệch skewness ở mức -0.18 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 10.00 đến 23.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

- Tiếng Trung bậc 3:

Kỹ năng Nghe: đã có 31 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 14.45/20 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 7.00 đến 20.00 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 31 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 16.90/25 và độ lệch skewness có giá trị -0.63 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 7.0 đến 23.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 31 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 6.29/10 và độ lệch skewness có giá trị gần 0 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 2.0 đến 9.50 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 31 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.61/25 và độ lệch skewness ở mức -1.22 cho thấy nhóm thí sinh có năng lực cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 3.0 đến 24.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

- Tiếng Trung bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 106 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 25.04/30 và độ lệch skewness ở mức -1.04 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 11.00 đến 30.00 là tín hiệu của độ phân loại tương đối tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 106 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 24.94/35 và độ lệch skewness có giá trị -1.12 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 10.0 đến 32.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 106 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 7.26/10 và độ lệch skewness có giá trị -0.87 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 3.0 đến 9.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 106 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 19.12/25 và độ lệch skewness ở mức -1.08 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 5.0 đến 25.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

- Tiếng Đức bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 46 thí sinh thi kỹ năng Nghe tiếng Đức bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 12.74/25 và độ lệch skewness ở mức -0.16 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 7.00 đến 19.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 46 thí sinh thi kỹ năng Đọc tiếng Đức bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 19.59/35 và độ lệch skewness ở mức 0.56 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 10.00 đến 31.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 46 thí sinh thi kỹ năng Viết tiếng Đức bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 6.77/10 và độ lệch skewness ở mức -0.82 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn

độ khó trung bình của bài thi. Dải điểm trải rộng từ 2.00 đến 9.50 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 46 thí sinh thi kỹ năng Nói tiếng Đức bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 16.57/25 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 10.00 đến 23.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

- Tiếng Nhật bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 112 thí sinh thi kỹ năng Nghe tiếng Nhật bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 13.79/25 và độ lệch skewness ở mức -0.40 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 0.00 đến 21.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 112 thí sinh thi kỹ năng Đọc tiếng Nhật bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.44/35 và độ lệch skewness ở mức 0.11 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 5.00 đến 31.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 111 thí sinh thi kỹ năng Viết tiếng Nhật bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 5.95/10 và độ lệch skewness ở mức -0.29 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực của thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 2.00 đến 9.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 109 thí sinh thi kỹ năng Nói tiếng Nhật bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.39/25 và độ lệch skewness ở mức -0.39 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 7.00 đến 25.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

- Tiếng Hàn bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 71 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.14/25

và độ lệch skewness ở mức -0.30 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 9.00 đến 23.00 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 71 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 20.17/35 và độ lệch skewness có giá trị -0.22 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 9.0 đến 30.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 71 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 6.32/10 và độ lệch skewness có giá trị -1.22 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 1.0 đến 8.50 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 127 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 18.87/25 và độ lệch skewness ở mức -0.95 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 8.0 đến 24.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

- Tiếng Thái bậc 3:

Kỹ năng Nghe: đã có 30 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 12.67/15 và độ lệch skewness ở mức -1.29 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 5.00 đến 15.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 30 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 18.70/25 và độ lệch skewness có giá trị -0.45 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 10.0 đến 24.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 30 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 6.83/10 và độ lệch skewness có giá trị -0.61 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 1.50 đến 9.50 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 30 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 18.87/25 cho thấy nhóm thí sinh có năng lực cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 10.0 đến 25.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

*c. Kỳ thi ngày 12/05/2024*

- Tiếng Anh bậc 3:

Kỹ năng Nghe: đã có 281 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 12.10/20 và độ lệch skewness có giá trị 0.08 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 4.00 đến 20.00 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 281 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 18.32/25 và độ lệch skewness có giá trị -0.70 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 7.0 đến 25.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 281 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 3. Điểm trung bình ở mức 5.09/10 và độ lệch skewness ở mức -0.22 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 0.50 đến 9.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 279 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.48/25 và độ lệch skewness ở mức -0.73 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 5.0 đến 25.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.



- Tiếng Anh bậc 4:

Kỹ năng Nghe: đã có 191 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 15.86/25 và độ lệch skewness ở mức -0.36 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 6.00 đến 24.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 191 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.81/30 và độ lệch skewness ở mức -0.29 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 7.0 đến 25.0 và độ nhọn kurtosis gần 0 là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 191 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 4.87/10 và độ lệch skewness có giá trị -0.38 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 1.0 đến 9.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 182 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 15.49/25 và độ lệch skewness ở mức -0.10 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 5.0 đến 24.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị gần 0 là tín hiệu của độ phân loại tốt.

- Tiếng Anh bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 220 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 20.31/30 và độ lệch skewness ở mức -0.37 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 8.00 đến 29.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

+ Kỹ năng Đọc: đã có 220 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 22.71/35 và độ lệch skewness có giá trị -0.24 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 10.0 đến 32.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 220 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 5.21/10 và độ lệch skewness ở mức 0.48 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 2.5 đến 9.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 220 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 16.55/25 và độ lệch skewness ở mức gần 0 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 6.0 đến 25.0 là tín hiệu của độ phân loại tốt.

- Tiếng Nga bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 35 thí sinh thi kỹ năng Nghe tiếng Nga bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 13.6/25 và độ lệch skewness ở mức 0.34 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 6.00 đến 21.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 35 thí sinh thi kỹ năng Đọc tiếng Nga bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.51/35 và độ lệch skewness ở mức -0.14 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 9.00 đến 27.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 35 thí sinh thi kỹ năng Viết tiếng Nga bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 5.61/10 và độ lệch skewness ở mức -0.47 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 0.50 đến 9.50 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 35 thí sinh thi kỹ năng Nói tiếng Nga bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 14.63/25 và độ lệch skewness ở mức -0.32 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của bài thi. Dải điểm trải rộng từ 5.00 đến 22.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

- Tiếng Pháp bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 71 thí sinh thi kỹ năng Nghe Tiếng Pháp bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 13.21/25 và độ lệch skewness ở mức 0.07 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 6.00 đến 20.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 71 thí sinh thi kỹ năng Đọc Tiếng Pháp bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 19.11/35 và độ lệch skewness ở mức 0.00 cho thấy năng lực thí sinh cao hơn độ khó trung bình của bài thi. Dải điểm trải tương đối rộng từ 11.00 đến 28.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 71 thí sinh thi kỹ năng Viết Tiếng Pháp bậc 5. Điểm trung bình ở mức 6.56/10 và độ lệch skewness ở mức -0.74 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của bài thi. Dải điểm trải rộng từ 3.0 đến 8.50 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 71 thí sinh thi kỹ năng Nói tiếng Pháp bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 16.54/25 và độ lệch skewness ở mức -1.03 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 7.00 đến 21.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

- Tiếng Trung bậc 3:

Kỹ năng Nghe: đã có 30 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 15.30/20 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 8.00 đến 20.00 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 30 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 14.40/25 và độ lệch skewness có giá trị 0.44 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 8.0 đến 25.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 30 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 5.05/10 và độ lệch skewness có giá trị -0.14 cho thấy nhóm thí sinh có năng lực tương đối phù hợp với độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 0.0 đến 9.50 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 30 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.40/25 và độ lệch skewness ở mức -0.96 cho thấy nhóm thí sinh có năng lực cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 8.0 đến 22.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

- Tiếng Trung bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 50 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 26.24/30 và độ lệch skewness ở mức -1.13 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 17.00 đến 30.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 50 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 25.62/35 và độ lệch skewness có giá trị -0.85 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 13.0 đến 35.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 50 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 7.12/10 và độ lệch skewness có giá trị -0.50 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 4.5 đến 9.00 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 50 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 18.18/25 và độ lệch skewness ở mức -0.48 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 11.0 đến 23.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

- Tiếng Đức bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 45 thí sinh thi kỹ năng Nghe tiếng Đức bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 12.53/25 và độ lệch skewness ở mức -0.22 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải tương đối rộng từ 8.00 đến 17.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 45 thí sinh thi kỹ năng Đọc tiếng Đức bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 14.89/35 và độ lệch skewness ở mức 0.66 cho thấy nhóm thí sinh có năng lực thấp hơn độ khó trung bình của bài thi. Dải điểm trải tương đối rộng từ 9.00 đến 25.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 45 thí sinh thi kỹ năng Viết tiếng Đức bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 5.63/10 và độ lệch skewness ở mức -0.15 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 2.00 đến 9.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 44 thí sinh thi kỹ năng Nói tiếng Đức bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 13.43/25 và độ lệch skewness ở mức 0.18 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 7.00 đến 21.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

- Tiếng Nhật bậc 4:

Kỹ năng Nghe: đã có 35 thí sinh thi kỹ năng Nghe tiếng Nhật bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 10.83/20 và độ lệch skewness có giá trị 0.30 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải tương đối rộng từ 7.00 đến 16.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 35 thí sinh thi kỹ năng Đọc tiếng Nhật bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 12/30 và độ lệch skewness ở mức 0.47 cho thấy nhóm thí sinh có năng lực thấp hơn độ

khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 5.0 đến 22.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 35 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 6.19/10 và độ lệch skewness ở mức -0.39 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 2.0 đến 9.5 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 34 thí sinh thi kỹ năng Nói tiếng Nhật bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 15.32/25 và độ lệch skewness ở mức -0.37 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 6.0 đến 24.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

- Tiếng Nhật bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 119 thí sinh thi kỹ năng Nghe tiếng Nhật bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 12.67/25 và độ lệch skewness ở mức 0.35 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 4.00 đến 24.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 119 thí sinh thi kỹ năng Đọc tiếng Nhật bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 13.25/35 và độ lệch skewness ở mức 1.01 cho thấy độ khó trung bình của đề thi cao hơn với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 4.00 đến 34.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 119 thí sinh thi kỹ năng Viết tiếng Nhật bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 5.74/10 và độ lệch skewness ở mức -0.45 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 2.00 đến 9.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 116 thí sinh thi kỹ năng Nói tiếng Nhật bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 16.53/25 và độ lệch skewness ở mức -0.25 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn

độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 6.00 đến 25.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

- Tiếng Hàn bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 53 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 16.32/25 và độ lệch skewness ở mức 0.00 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 9.00 đến 23.00 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 53 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.75/35 và độ lệch skewness có giá trị -0.64 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 3.0 đến 28.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 53 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 6.41/10 và độ lệch skewness có giá trị -0.28 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 2.5 đến 9.5 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 59 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 17.63/25 và độ lệch skewness ở mức -0.63 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 10.0 đến 24.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

*d. Kỳ thi ngày 28/7/2024*

- Tiếng Anh bậc 3:

Kỹ năng Nghe: đã có 163 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 12.60/20 và độ lệch skewness ở mức 0.04 cho thấy đề thi phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 4.00 đến 20.00 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 163 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 19.27/25

và độ lệch skewness có giá trị  $-0.90$  cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ  $7.00$  đến  $25.0$  là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 163 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức  $7.11/10$  và độ lệch skewness có giá trị  $-0.67$  cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ  $1.0$  đến  $10.00$  và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 161 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 3. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức  $18.50/25$  và độ lệch skewness ở mức  $-0.75$  cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ  $5.0$  đến  $25.0$  là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

- Tiếng Anh bậc 4:

Kỹ năng Nghe: đã có 115 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức  $13.93/25$  và độ lệch skewness ở mức  $0.47$  cho thấy đề thi phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ  $6.00$  đến  $24.00$  là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 115 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức  $16.60/30$  và độ lệch skewness có giá trị  $0.00$  cho thấy đề thi phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ  $8.00$  đến  $24.00$  và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 115 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức  $6.59/10$  và độ lệch skewness có giá trị  $-0.65$  cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ  $2.0$  đến  $9.00$  là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 113 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 4. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức  $17.49/25$



và độ lệch skewness ở mức gần 0 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 10.0 đến 24.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

- Tiếng Anh bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 143 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 18.57/30 và độ lệch skewness ở mức gần 0 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 7.00 đến 28.00 và độ nhọn kurtosis âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 143 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 22.98/35 và độ lệch skewness có giá trị -0.30 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 12.0 đến 33.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 143 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 5.98/10 và độ lệch skewness có giá trị -0.11 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 3.0 đến 8.50 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 143 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 16.86/25 và độ lệch skewness ở mức gần 0 cho thấy đề thi có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 7.0 đến 24.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

- Tiếng Trung bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 35 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 25.40/30 và độ lệch skewness ở mức -0.72 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 18.00 đến 30.00 là tín hiệu của độ phân loại tương đối tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 35 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 25.40/35 và độ lệch skewness có giá trị -1.27 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 13.0 đến 31.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 35 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 7.67/10 và độ lệch skewness có giá trị -0.79 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 5.0 đến 9.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 35 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 19.74/25 và độ lệch skewness ở mức -0.58 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 13.0 đến 25.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

- Tiếng Nhật bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 98 thí sinh thi kỹ năng Nghe tiếng Nhật bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 14.90/25 và độ lệch skewness ở mức -0.23 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 6.00 đến 22.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 98 thí sinh thi kỹ năng Đọc tiếng Nhật bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 21.53/35 và độ lệch skewness ở mức -0.31 cho thấy đề thi tương đối phù hợp với năng lực của nhóm thí sinh. Dải điểm trải rộng từ 6.00 đến 34.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 98 thí sinh thi kỹ năng Viết tiếng Nhật bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 7.06/10 và độ lệch skewness ở mức -1.58 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 2.00 đến 9.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 95 thí sinh thi kỹ năng Nói tiếng Nhật bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 18.81/25 và độ lệch skewness ở mức -0.62 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 7.00 đến 24.00 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

- Tiếng Hàn bậc 5:

Kỹ năng Nghe: đã có 42 thí sinh thi kỹ năng Nghe bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 19.83/25 và độ lệch skewness ở mức -0.35 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 14.00 đến 25.00 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Đọc: đã có 42 thí sinh thi kỹ năng Đọc bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 23.62/35 và độ lệch skewness có giá trị -0.42 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 10.0 đến 34.0 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Viết: đã có 42 thí sinh thi kỹ năng Viết bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 7.61/10 và độ lệch skewness có giá trị -0.55 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 4.5 đến 9.5 và độ nhọn kurtosis có giá trị âm là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

Kỹ năng Nói: đã có 51 thí sinh thi kỹ năng Nói bậc 5. Các thông số phân bố điểm nằm trong khoảng cho phép của phân bố chuẩn. Điểm trung bình ở mức 19.86/25 và độ lệch skewness ở mức -0.74 cho thấy năng lực của nhóm thí sinh cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Dải điểm trải rộng từ 11.0 đến 24.0 là tín hiệu của độ phân loại khá tốt.

**2.4. Đảm bảo chất lượng về kết quả thi:** cách thức kiểm soát chất lượng kỳ thi; cách thức lưu trữ, bảo quản kết quả thi .

Kết quả thi là sản phẩm cuối cùng của quá trình tổ chức thi. Vì vậy, để đảm bảo chất lượng đầu ra của một quá trình tổ chức Bài thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại ĐHQGHN (VNU-Tests), Trường ĐHNN-ĐHQGHN đã có 02

cách thức chính để đảm bảo chất lượng về kết quả của mỗi kỳ thi VNU-Tests. Cụ thể như sau:

#### *2.4.1. Cách thức kiểm soát chất lượng kỳ thi*

Kiểm soát chất lượng kỳ thi VNU-Tests là một yếu tố quan trọng để đảm bảo tính công bằng, minh bạch và chính xác trong quá trình đánh giá năng lực ngoại ngữ cho sinh viên và học viên.

Thứ nhất, đề thi VNU-Tests được viết rất chặt chẽ, khoa học, chất lượng. Cấu trúc và định dạng các bài thi VNU-Tests được xây dựng bởi một đội ngũ chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 1312/QĐ-ĐHNN ngày 09/6/2023 và được thẩm định, nghiệm thu bởi một Hội đồng chuyên môn theo Quyết định số 2149/QĐ-ĐHNN ngày 15/9/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHNN-ĐHQGHN. Đề thi VNU-Tests được xây dựng khoa học, chuyên nghiệp tuân thủ đúng theo quy trình làm đề thi nên các đề thi VNU-Tests rất phù hợp với mục tiêu xác định chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên bậc đại học và xét/thi tuyển sinh chương trình đào tạo bậc thạc sĩ ở ĐHQGHN bởi đây là bài thi cắt ngang, tập trung đánh giá năng lực ngoại ngữ tổng quát và năng lực sử dụng ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp. Thêm nữa, đề thi VNU-Tests luôn có sự cân bằng giữa các mức độ khó, trung bình và dễ để có thể đánh giá toàn diện năng lực ngoại ngữ của thí sinh với sự sử dụng đa dạng các loại câu hỏi như trắc nghiệm khách quan, tự luận, câu hỏi tình huống nhằm đánh giá được các kỹ năng khác nhau: Bài thi Đọc và Nghe được thiết kế với các ngữ liệu và tác vụ phù hợp với định hướng giao tiếp nghề nghiệp. Bài thi Viết và Nói được thiết kế với Phần chung và Phần tự chọn. Phần chung dành cho tất cả các thí sinh và ở Phần tự chọn thí sinh có quyền tự quyết định lựa chọn nào phù hợp với thế mạnh hay chuyên môn để hoàn thành bài thi. Đề thi VNU-Tests được xây dựng đúng cam kết tại Phụ lục 1 của Đề án đã được phê duyệt và đúng theo Quyết định số 3176/QĐ-ĐHNN ngày 06/11/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHNN-ĐHQGHN ban hành Định dạng bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng nghề nghiệp tại ĐHQGHN. Đề thi VNU-Tests luôn được soạn thảo, thẩm định và bảo quản trong điều kiện bảo mật cao. Các cán bộ tham gia soạn thảo đề thi, thẩm định đề thi hoặc in sao đề thi luôn phải ký cam kết bảo mật với Nhà trường không để lộ đề, lọt đề hoặc có sự gian lận trong thi cử.

Thứ hai, quy trình tổ chức bài thi VNU-Tests luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về tổ chức thi: từ khâu chuẩn bị phòng thi, giám sát thí sinh, đến việc xử lý các sự cố phát

sinh trong quá trình thi. Các quy trình này được cụ thể hóa tại Quyết định số 3382/QĐ-ĐHNN ngày 08/12/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHNN-ĐHQGHN ban hành quy định tổ chức ĐGNLNN theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp của ĐHQGHN. Đặc biệt hơn nữa, bài thi VNU-Tests là bài thi có sự phối kết hợp của nhiều đơn vị đồng tổ chức và triển khai công tác tổ chức bài thi. Vì vậy, để đảm bảo chất lượng về kết quả thi, Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành Quyết định số 3369/QĐ-ĐHNN ngày 07/12/2023 để cụ thể hóa vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của các đơn vị đầu mối phối hợp tổ chức kỳ thi VNU-Tests này mà hai đơn vị trực tiếp triển khai các quy trình trước, trong và sau thi là Phòng Đào tạo và Trung tâm Khảo thí.

Thứ ba, việc giám sát và kiểm tra kỳ thi VNU-Tests luôn được chú trọng. Bên cạnh đội ngũ chuyên gia trực tiếp đi thị sát là thanh tra, người được đào tạo, có kỹ năng giám sát, phát hiện và xử lý các trường hợp gian lận thì mọi hoạt động của kỳ thi thì kỳ thi VNU-Tests còn được giám sát bởi các thiết bị hỗ trợ như: thiết bị an ninh và công từ để kiểm tra thí sinh trước khi vào khu vực thi, ngăn chặn thí sinh mang các thiết bị, vật dụng trái phép vào khu vực thi và phòng thi; camera giám sát liên tục các hoạt động của thí sinh và cán bộ coi thi tại phòng thi. Các biện pháp giám sát này đều chung một mục đích là ngăn ngừa mọi hành vi gian lận, tăng cường tính minh bạch và kiểm soát kỳ thi VNU-Tests một cách tốt nhất.

Thứ tư, công tác chấm thi và lên điểm bài thi VNU-Tests luôn minh bạch, công bằng, khách quan. Các bài thi được chấm điểm theo các tiêu chí cụ thể và kết quả chấm thi được ghi nhận theo biểu mẫu. Đối với các bài thi trắc nghiệm (Đọc-Nghe) được chấm bằng máy qua phần mềm chấm trắc nghiệm chuyên dụng. Đối với bài thi Viết và Nói, có tiêu chí chấm và thang điểm rõ ràng để giám khảo có thể chấm đồng nhất. Trước khi chấm, các cán bộ chấm thi chấm ít nhất 05 bài mẫu và thảo luận thống nhất cách vận dụng hướng dẫn chấm để quá trình chấm thi luôn được đảm bảo tính công bằng cho tất cả các thí sinh. Việc chấm điểm bài thi Nói và Viết luôn đảm bảo 2 vòng độc lập. Điều đó sẽ giảm thiểu những sai sót hoặc thiên vị khi chấm điểm cho thí sinh. Một điều đặc biệt, để đảm bảo kết quả chấm thi luôn chính xác, khách quan, công bằng, minh bạch, đồng nhất, phản ánh đúng thực lực của thí sinh, đảm bảo quy định và hướng dẫn chấm thi giữa các kỳ thi VNU-Tests, đội ngũ chấm thi của Nhà trường đều phải kinh qua khóa tập huấn chấm thi Nói - Viết kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp và được cấp giấy chứng nhận trước khi tham gia chấm thi. Góp phần không nhỏ vào việc đảm bảo chất lượng kết quả bài

thi VNU-Tests phải kể đến là đội ngũ chấm thi Nói và Viết của Nhà trường với con số gần 300 cán bộ giảng viên ở các ngoại ngữ Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn, Thái, Lào, Ả Rập được cử tham gia khóa bồi dưỡng chấm thi lần lượt theo các Quyết định 319/QĐ-ĐHNN ngày 09/01/2024, Quyết định 632/QĐ-ĐHNN ngày 13/3/2024, Quyết định 632b/QĐ-ĐHNN ngày 14/3/2024, Quyết định 821/QĐ-ĐHNN ngày 09/4/2024 và Quyết định 825/QĐ-ĐHNN ngày 09/04/2024 của Hiệu trưởng Trường ĐHNN.

#### *2.4.2. Cách thức lưu trữ, bảo quản kết quả thi*

Việc lưu trữ, bảo quản kết quả thi là một trong hai cách thức quan trọng nhất để đảm bảo chất lượng về kết quả của mỗi kỳ thi VNU-Tests. Công tác này luôn được thực hiện đúng theo Điều 21 tại Quyết định số 3382/QĐ-ĐHNN ngày 08/12/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHNN. Cụ thể, lưu trữ vĩnh viễn sẽ gồm danh sách thí sinh dự thi, bảng điểm chi tiết, danh sách thí sinh được cấp giấy chứng nhận. Còn đối bài thi, dữ liệu camera và các biên bản xử lý trong khi thi phải lưu trữ ít nhất 2 năm.

Đối với kết quả bài thi VNU-Tests bên cạnh bản giấy được lưu trữ ở một nơi an toàn, khô ráo, không ẩm mốc thì kết quả bài thi VNU-Tests còn được lưu trữ trên hệ thống điện tử tại địa chỉ <https://daotao.ulis.vnu.edu.vn/category/vnu-tests/>. Quy trình lưu trữ luôn được bảo mật, được phân quyền quản lý rõ ràng, chỉ những cá nhân được cấp quyền truy cập mới có thể xem hoặc xử lý kết quả thi để đảm bảo tính bảo mật và tránh sai sót. Thêm nữa, theo Công văn số 4162/ĐHQGHN-ĐT ngày 03/11/2023 của ĐHQGHN, sau mỗi kỳ thi Trường ĐHNN báo cáo ĐHQGHN về công tác tổ chức thi và cấp giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ của kỳ thi VNU-Tests kèm theo đó là các quyết định có liên quan. Như vậy, việc kiểm tra, đối chiếu định kỳ dữ liệu kết quả thi trên hệ thống, bản giấy lưu tại Trường ĐHNN và bản giấy lưu tại ĐHQGHN theo báo cáo của Trường ĐHNN gửi Ban Đào tạo, ĐHQGHN sẽ là những giải pháp có thể kiểm tra chéo để sớm phát hiện các sai lệch hoặc lỗi phát sinh.

Như vậy, với cách thức kiểm soát chất lượng kỳ thi và cách thức lưu trữ, bảo quản kết quả thi như trên thì kết quả bài thi VNU-Tests luôn luôn được đảm bảo chất lượng.

### **III. Kết quả**

#### ***3.1. Tổ chức các kỳ thi VNU-Tests:***

##### ***3.1.1. Số lần tổ chức, đối tượng, số người tham dự***

## a. Kỳ thi 1: Ngày thi 13/01/2024

STT	ĐƠN VỊ	SỐ THÍ SINH ĐĂNG KÝ THI	SỐ THÍ SINH DỰ THI
1	Trường ĐH Ngoại ngữ	369	350
2	Trường ĐH Công nghệ	26	13
3	Trường ĐH Kinh tế	7	7
4	Trường Quốc tế	1	1
5	Trường ĐH Luật	6	6
6	Trường ĐH Giáo dục	5	3
7	Trường ĐH KHXH&NV	2	2
8	<b>Tổng cộng</b>	<b>416</b>	<b>382</b>
9	<b>Tỷ lệ (%)</b>		<b>92%</b>

## b. Kỳ thi 2: Ngày thi 23/3/2024

STT	ĐƠN VỊ	SỐ THÍ SINH ĐĂNG KÝ THI	SỐ THÍ SINH DỰ THI
1	Trường ĐH Ngoại ngữ	1077	990
2	Trường ĐH Công nghệ	80	70
3	Trường ĐH Kinh tế	37	35
4	Trường Quốc tế	0	0
5	Trường ĐH Luật	5	5
6	Trường ĐH Giáo dục	28	27
7	Trường ĐH KHXH&NV	58	55
8	Trường ĐHKHTN	9	8
9	Trường ĐH Y Dược	1	1
10	Trường KHLN&NT	3	3
11	Tự do	16	15
12	<b>Tổng cộng</b>	<b>1314</b>	<b>1209</b>
13	<b>Tỷ lệ (%)</b>		<b>92%</b>

## c. Kỳ thi 3: Ngày thi 12/5/2024

STT	ĐƠN VỊ	SỐ THÍ SINH ĐĂNG KÝ THI	SỐ THÍ SINH DỰ THI
1	Trường ĐH Ngoại ngữ	901	837
2	Trường ĐH Công nghệ	117	103
3	Trường ĐH Kinh tế	20	17
4	Trường ĐH Việt Nhật	18	18

5	Trường ĐH Luật	24	20
6	Trường ĐH Giáo dục	15	15
7	Trường ĐH KHXH&NV	93	86
8	Trường ĐH KHTN	27	22
9	Trường ĐH Y Dược	1	1
10	Trường KHLN&NT	4	4
11	Trường QT&KD	2	2
12	Tự do	154	125
13	<b>Tổng cộng</b>	<b>1376</b>	<b>1250</b>
14	<b>Tỷ lệ (%)</b>		<b>91%</b>

*d. Kỳ thi 4: Ngày thi 28/7/2024*

STT	ĐƠN VỊ	SỐ THÍ SINH ĐĂNG KÝ THI	SỐ THÍ SINH DỰ THI
1	Trường ĐH Ngoại ngữ	697	632
2	Trường ĐH Công Nghệ	98	88
3	Trường ĐH Kinh tế	12	11
4	Trường ĐH Việt Nhật	5	4
5	Trường ĐH Luật	3	3
6	Trường ĐHGĐ	6	5
7	Trường ĐH KHXH&NV	47	44
8	Trường ĐH KHTN	13	10
9	Trường ĐH Y Dược	1	1
10	Trường KHLN&NT	0	0
11	Trường QT&KD	3	2
12	Tự do	47	40
13	<b>Tổng cộng</b>	<b>932</b>	<b>840</b>
14	<b>Tỷ lệ (%)</b>		<b>90%</b>

*e. Kỳ thi 5: Ngày thi 29/9/2024*

STT	ĐƠN VỊ	SỐ THÍ SINH ĐĂNG KÝ THI	SỐ THÍ SINH DỰ THI
1	Trường ĐH Ngoại ngữ	270	241
2	Trường ĐH Công nghệ	76	71
3	Trường ĐH Kinh tế	12	11
4	Trường ĐH Việt Nhật	3	3
5	Trường ĐH Luật	5	5



6	Trường ĐH Giáo dục	72	65
7	Trường ĐH KHXH&NV	13	12
8	Trường ĐH KHTN	43	38
9	Trường ĐH Y Dược	2	2
10	Trường KHLN&NT	3	3
11	Trường QT&KD		
12	Tự do	198	167
13	<b>Tổng cộng</b>	<b>697</b>	<b>618</b>
14	<b>Tỷ lệ (%)</b>		<b>89%</b>

### 3.1.2. Thống kê kết quả của các kỳ thi đã tổ chức

Ngày thi	Ngoại ngữ/ Định dạng bài thi	Số thí sinh theo danh sách	Số thí sinh dự thi	Số thí sinh đạt kết quả			Tỷ lệ % đạt kết quả bậc 3,4,5
				Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	
<b>13/01/2024</b>							
	Anh bậc 3	49	44	36			82%
	Anh bậc 4	72	62		31		50%
	Anh bậc 5	295	276			208	75%
<b>23/3/2024</b>							
	Anh bậc 3	139	124	69			56%
	Anh bậc 4	200	176		94		53%
	Anh bậc 5	355	334			220	66%
	Pháp bậc 5	43	36			17	47%
	Ả Rập bậc 5	23	23			16	70%
	Nhật bậc 5	118	112			60	54%
	Đức bậc 5	48	46			29	63%
	Hàn bậc 4	23	19		4		21%
	Hàn bậc 5	144	131			56	43%
	Thái bậc 3	30	30	27			90%
	Trung bậc 3	34	31	24			77%
	Trung bậc 4	22	19		8		42%
	Trung bậc 5	109	106			100	94%
	Nga bậc 5	26	22			18	82%
<b>12/5/2024</b>							

	Anh bậc 3	322	281	189			67%
	Anh bậc 4	214	191		105		55%
	Anh bậc 5	239	220			170	77%
	Nga bậc 5	36	35			19	54%
	Pháp bậc 5	72	71			57	80%
	Trung bậc 3	34	30	18			60%
	Trung bậc 4	25	25		5		20%
	Trung bậc 5	52	50			48	96%
	Đức bậc 5	50	45			13	29%
	Nhật bậc 4	38	35		18		51%
	Nhật bậc 5	126	119			44	37%
	Hàn bậc 3	24	15	12			80%
	Hàn bậc 4	27	26		10		38%
	Hàn bậc 5	69	61			40	66%
	Thái bậc 3	22	22	18			82%
	Thái bậc 4	16	14		8		57%
	Ả Rập bậc 5	10	10			5	50%
<b>28/7/2024</b>							
	Anh bậc 3	183	163	138			85%
	Anh bậc 4	128	115		79		69%
	Anh bậc 5	156	143			110	77%
	Nga bậc 5	15	15			7	47%
	Pháp bậc 3	21	13	9			69%
	Pháp bậc 4	27	23		12		52%
	Pháp bậc 5	28	26			18	69%
	Trung bậc 3	30	28	16			57%
	Trung bậc 4	31	23		9		39%
	Trung bậc 5	36	35			34	97%
	Đức bậc 5	30	29			7	24%
	Nhật bậc 3	22	20	19			95%
	Nhật bậc 4	19	16		14		88%
	Nhật bậc 5	104	98			85	87%

	Hàn bậc 4	30	29		20		69%
	Hàn bậc 5	56	51			42	82%
	Thái bậc 3	10	7	5			71%
	Thái bậc 4	6	6		4		67%
<b>Cộng</b>		<b>4038</b>	<b>3681</b>	<b>580</b>	<b>421</b>	<b>1423</b>	

Năng lực của thí sinh thông qua kết quả thi

Ngày thi	Ngoại ngữ/ Định dạng bài thi	Đọc		Nghe		Viết		Nói	
		Điểm Trung bình	Độ lệch Skewness	Điểm Trung bình	Độ lệch Skewness	Điểm Trung bình	Độ lệch Skewness	Điểm Trung bình	Độ lệch Skewness
<b>13/01/2024</b>									
	Anh bậc 3	16.59/25	-0.77	14.00/20	-0.60	6.64/10	-0.74	19.02/25	-0.77
	Anh bậc 4	15.19/30	-0.32	15.02/25	0.08	5.91/10	0.90	15.26/25	-0.07
	Anh bậc 5	21.05/35	-0.18	22.14/30	-0.42	5.82/10	-0.10	15.73/25	-0.47
<b>23/3/2024</b>									
	Anh bậc 3	15.52/25	0.00	13.06/20	-0.27	5.21/10	-0.05	17.55/25	-0.66
	Anh bậc 4	17.16/30	-0.06	13.20/25	0.26	5.88/10	-0.08	16.06/25	-0.08
	Anh bậc 5	20.81/35	-0.08	17.47/30	0.19	5.74/10	-0.12	17.08/25	-0.23
	Pháp bậc 5	16.28/35	0.17	12.94/25	0.54	5.93/10	-0.32	17.53/25	-0.18
	Nhật bậc 5	17.44/35	0.11	13.79/25	-0.40	5.95/10	-0.29	17.39/25	-0.39
	Đức bậc 5	19.59/35	0.56	12.74/25	-0.16	6.77/10	-0.82	16.57/25	0.11
	Hàn bậc 5	20.17/35	-0.22	17.14/25	-0.30	6.32/10	-1.22	18.87/25	-0.95
	Thái bậc 3	18.70/25	-0.45	12.67/15	-1.29	6.83/10	-0.61	18.87/25	-0.13
	Trung bậc 3	16.90/25	-0.63	14.45/20	-0.02	6.29/10	-0.05	17.61/25	-1.22
	Trung bậc 5	24.94/35	-1.12	25.04/30	-1.04	7.26/10	-0.87	19.12/25	-1.08
<b>12/5/2024</b>									
	Anh bậc 3	18.32/25	-0.70	12.10/20	0.08	5.09/10	-0.22	17.48/25	-0.73
	Anh bậc 4	17.81/30	-0.29	15.86/25	-0.03	4.87/10	-0.38	15.49/25	-0.10
	Anh bậc 5	22.71/35	-0.24	20.31/30	-0.37	5.21/10	0.48	16.55/25	-0.01
	Nga bậc 5	17.51/35	-0.14	13.60/25	0.34	5.61/10	-0.47	14.63/25	-0.32
	Pháp bậc 5	19.11/35	0.00	13.21/25	0.07	6.56/10	-0.74	16.54/25	-1.03
	Trung bậc 3	14.40/25	0.44	15.30/20	-0.38	5.05/10	-0.14	17.40/25	-0.96
	Trung bậc 5	25.62/35	-0.85	26.24/30	-1.13	7.12/10	-0.50	18.18/25	-0.48
	Đức bậc 5	14.89/35	0.66	12.53/25	-0.22	5.63/10	-0.15	13.43/25	0.18

	Nhật bậc 4	12.00/30	0.47	10.83/20	0.30	6.19/10	-0.39	15.32/25	-0.37
	Nhật bậc 5	13.25/35	1.01	12.67/25	0.35	5.74/10	-0.45	16.53/25	-0.25
	Hàn bậc 5	17.75/35	-0.64	16.32/25	0.00	6.41/10	-0.28	17.63/25	-0.63
<b>28/7/2024</b>									
	Anh bậc 3	19.27/25	19.27	12.60/20	0.04	7.11/10	-0.67	18.50/25	-0.75
	Anh bậc 4	16.60/30	0.00	13.93/25	0.47	6.59/10	-0.65	17.49/25	-0.01
	Anh bậc 5	22.98/35	-0.30	18.57/30	0.05	5.98/10	-0.11	16.86/25	-0.02
	Trung bậc 5	25.40/35	-1.27	25,40/30	-0.72	7,67/10	-0.79	19,74/25	-0.58
	Nhật bậc 5	21.53/35	-0.31	14,90/25	-0.23	7,06/10	-1.58	18,81/25	-0.62
	Hàn bậc 5	23.62/35	-0.42	19,83/25	-0.35	7,61/10	-0.55	19,86/25	-0.74

Dữ liệu phân tích kết quả thi của các kỳ thi cho thấy, phần lớn, độ khó trung bình của các đề thi phù hợp với năng lực của thí sinh. Một số đề thi (ví dụ: Kỹ năng Nghe tiếng Thái bậc 3, tiếng Trung bậc 5 của kỳ thi ngày 23/03/2024; Kỹ năng Nghe tiếng Hàn bậc 5 của kỳ thi ngày 28/07/2024 và Kỹ năng Nói tiếng Hàn bậc 5 và tiếng Trung bậc 5 của kỳ thi ngày 28/07/2024) có kết quả phân tích cho thấy năng lực của nhóm thí sinh dự thi có xu hướng cao hơn độ khó trung bình của đề thi. Trong khi đó, có 02 đề thi (Kỹ năng Đọc tiếng Nhật bậc 4 và 5 của kỳ thi ngày 12/05/2024) có kết quả phân tích cho thấy nhóm thí sinh dự thi có năng lực thấp hơn độ khó trung bình của đề thi.

### 3.2. Đánh giá và phản hồi

#### 3.2.1. Ý kiến đánh giá phản hồi từ sinh viên về bài thi VNU-Tests

Nhóm chuyên trách đã tiến hành khảo sát trên đối tượng sinh viên trong toàn ĐHQGHN. Dưới đây là đánh giá phản hồi của 341 sinh viên (số liệu tính đến hết ngày 06/10/2024) trong đó có 01 sinh viên ĐH Công nghệ, 27 sinh viên ĐH Giáo Dục, 53 sinh viên ĐH KHTN, 02 sinh viên ĐH Kinh tế và 259 sinh viên ĐH Ngoại ngữ. Số sinh viên tham gia khảo sát phần nào phản ánh tỉ trọng thí sinh thật trong các kỳ thi VNU-Tests khi sinh viên ĐHNN vẫn chiếm đại đa số. Các sinh viên được khảo sát bao gồm các QH.2018 đến QH.2024 đã từng và chưa từng tham dự bài thi VNU-Tests nhưng đã biết đến bài thi. Đối với các thí sinh đã tham dự kỳ thi VNU-Tests, số lần tham dự là từ 01 đến 04 lần ở cả 3 bậc B1, B2 và C1.

Các nội dung để sinh viên đưa ra phản hồi được thiết kế theo thang đo 5 mức độ: Rất đồng ý – Đồng ý – Phân vân – Không đồng ý – Rất Không đồng ý về các khía cạnh

khác nhau của bài thi VNU-Tests bao gồm khâu tổ chức thi, hỗ trợ sinh viên, hệ thống đăng ký trực tuyến, thời điểm và tần suất tổ chức thi, v.v. Bảng dưới đây sẽ tóm tắt kết quả thu được từ khảo sát:

Nội dung đánh giá, phản hồi	Mức điểm TB
TS nhận đủ thông tin về kỳ thi.	3.91
Việc tra cứu thông tin dễ dàng, nhanh chóng.	3.91
Thông tin được đăng tải đúng kế hoạch.	3.91
TS được hướng dẫn các nội dung quan trọng.	3.94
TS được hỗ trợ khi cần.	3.92
Hệ thống đăng ký trực tuyến giúp đăng ký/tra cứu dễ dàng.	4.01
Hệ thống đăng ký trực tuyến dễ thao tác.	3.99
Thời điểm tổ chức thi hợp lý.	<b>3.86</b>
Tần suất tổ chức thi phù hợp.	<b>3.67</b>
Bài thi giúp TS đáp ứng các yêu cầu về ngoại ngữ.	3.93
Mức lệ phí phù hợp.	<b>3.78</b>
Phòng thi đáp ứng các yêu cầu tổ chức thi.	3.92
Chất lượng in ấn đề thi đảm bảo.	4.06
Chất lượng âm thanh đảm bảo.	<b>3.73</b>

Nhìn chung, các khâu về tổ chức thi được sinh viên đánh giá khá cao khi mức điểm trung bình cho các nhận định ở xung quan mức 4.0 – thể hiện sinh viên Đồng ý với các nhận định. Một số nội dung có chỉ số thấp hơn mức 3.9 bao gồm nội dung về thời điểm và tần suất tổ chức thi, mức lệ phí và chất lượng âm thanh của đề thi Nghe. Theo đó trong phần đề xuất các ý kiến liên quan đến việc tăng số lượng kỳ thi, giảm lệ phí và cải thiện chất lượng âm thanh cho bài thi Nghe cũng là các đề xuất chính.

Ngoài ra nhóm chuyên trách cũng đưa ra câu hỏi khảo sát về từng đề thi kỹ năng. Dưới đây là các phản hồi từ sinh viên:

Nội dung đánh giá, phản hồi	Mức điểm TB (Đọc)	Mức điểm TB (Nghe)	Mức điểm TB (Viết)	Mức điểm TB (Nói)
Bài thi phản ánh đúng năng lực.	3.84	<b>3.76</b>	3.81	3.81
Nội dung bài thi phù hợp với bậc.	3.82	<b>3.75</b>	3.84	3.85
Dạng bài trong đề thi quen thuộc.	3.81	<b>3.72</b>	3.80	3.82
Chủ đề bám sát chương trình.	<b>3.75</b>	<b>3.76</b>	3.83	3.80

Thời lượng của bài thi hợp lý.	3.85	<b>3.79</b>	3.84	3.86
--------------------------------	------	-------------	------	------

Số liệu thống kê cho thấy sinh viên nằm giữa mức Phân vân và Đồng ý cho các nội dung khảo sát liên quan đến đề thi. Các mức đánh giá thấp nhất chủ yếu liên quan đến đề thi Nghe. Trong phần đề xuất sinh viên có đưa ra các phản hồi về chất lượng âm thanh to nhỏ không đều, loa rè, phòng thi ở cạnh đường (Khu vực C1) nên bị ồn, tốc độ nói ở các bài thi nhanh (chủ yếu các bài thi bậc cao – C1).

### 3.2.2. Ý kiến đánh giá từ các đơn vị phối hợp (lãnh đạo và giảng viên) về bài thi VNU-Tests

Bên cạnh việc lấy ý kiến đánh giá về bài thi VNU-Tests từ sinh viên trong ĐHQGHN, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các cán bộ quản lý và giảng viên các khoa/ bộ môn trong Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN về bài thi VNU-Tests. Lý do lựa chọn 2 nhóm đối tượng này là vì họ chính là những thành viên của các đơn vị đào tạo phối hợp tham gia các hội đồng thi sử dụng bài thi VNU-Tests từ tháng 01/2024 cho đến nay. Hơn nữa, họ cũng chính là những người trực tiếp tham gia quản lý và giảng dạy ngoại ngữ ở các bậc học trong toàn ĐHQGHN.

Trong tổng số cán bộ quản lý và giảng viên thuộc hầu hết các khoa, bộ môn đào tạo ngoại ngữ tham gia khảo sát, 70% cán bộ quản lý và 40% giảng viên có học vị tiến sĩ, số còn lại có học vị thạc sĩ. Các cán bộ quản lý và giảng viên được khảo sát cũng ở các độ tuổi và có thâm niên công tác khác nhau trải dài từ dưới 5 năm đến trên 20 năm. Về đối tượng giảng dạy, 85,7% giảng viên giảng dạy sinh viên đại học hệ chuẩn, trong đó chủ yếu là sinh viên không chuyên, 14,3% số còn lại giảng dạy ngoại ngữ cho sinh viên hệ liên kết quốc tế.

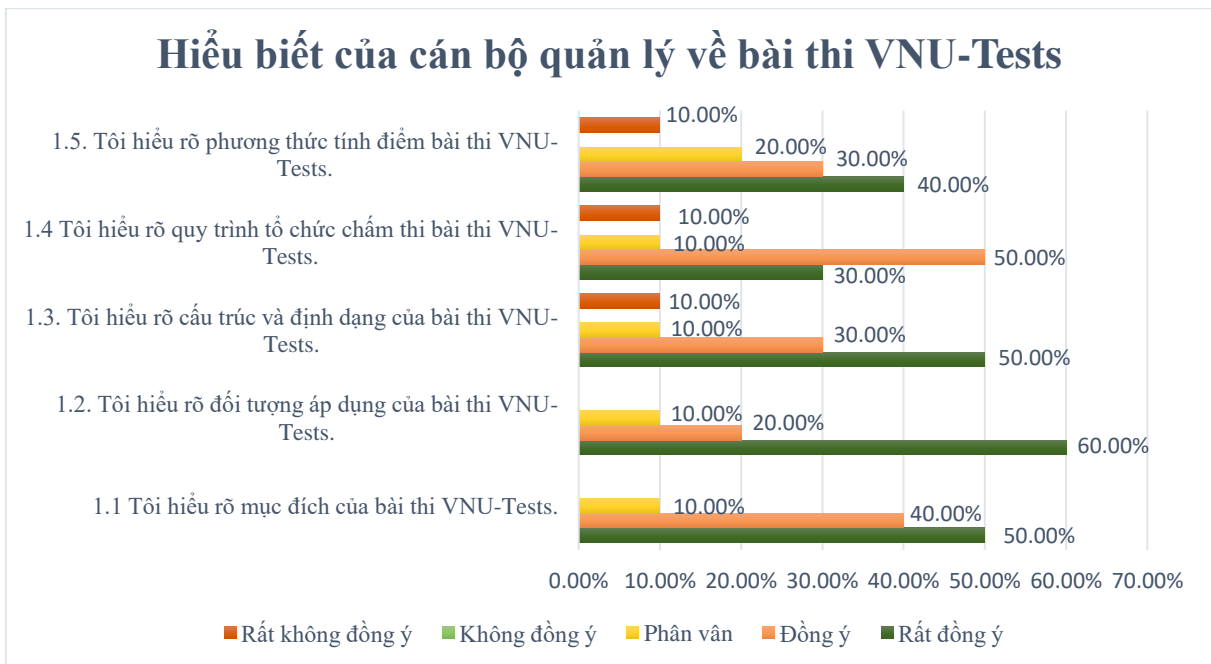
Nội dung khảo sát tập trung vào hiểu biết và mức độ hài lòng của cán bộ quản lý và giảng viên về các khía cạnh của bài thi VNU-Tests như mục đích, đối tượng áp dụng, cấu trúc, định dạng của bài thi, trả kết quả và hậu kiểm, chất lượng, độ tin cậy của bài thi. Từ đó, người tham gia đưa ra những đề xuất góp phần hoàn thiện bài thi VNU-Tests trong thời gian tới.

Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

#### 3.2.2.1. Kết quả khảo sát cán bộ quản lý về bài thi VNU-Tests

Liên quan đến hiểu biết chung của cán bộ quản lý về bài thi VNU-Tests (Hình 1), kết quả khảo sát cho thấy 90% cán bộ quản lý được khảo sát cho rằng họ hiểu rõ mục đích của bài thi VNU-Tests. 80% cán bộ quản lý đã nắm rõ thông tin về đối tượng áp dụng, cấu trúc và định dạng bài thi.. Một trong các lý do khiến phần lớn cán bộ quản lý của các khoa đào tạo đã nắm chắc các thông tin về kì thi là cán bộ quản lý cũng chính là những người trực tiếp tham gia xây dựng và góp ý về định dạng bài thi VNU-Tests. Tuy nhiên, số liệu cũng cho thấy không phải tất cả các cán bộ quản lý đều nắm rõ thông tin, đây có thể là những cán bộ không tham gia trực tiếp vào công tác này. Điều này cũng phản ánh sự quan tâm của các cán bộ quản lý về bài thi này. Khi họ hiểu rõ về bài thi thì họ mới có thể triển khai thông tin và các đầu việc liên quan tới các cán bộ giảng viên trong khoa đào tạo. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy công tác truyền thông bài thi VNU-Tests cần được đẩy mạnh hơn nữa để lan rộng thông tin và nâng cao sự hiểu biết của cán bộ quản lý về bài thi này. Khi cán bộ quản lý hiểu rõ về bài thi thì họ mới có thể triển khai thông tin và các đầu việc liên quan tới các cán bộ giảng viên trong khoa đào tạo.

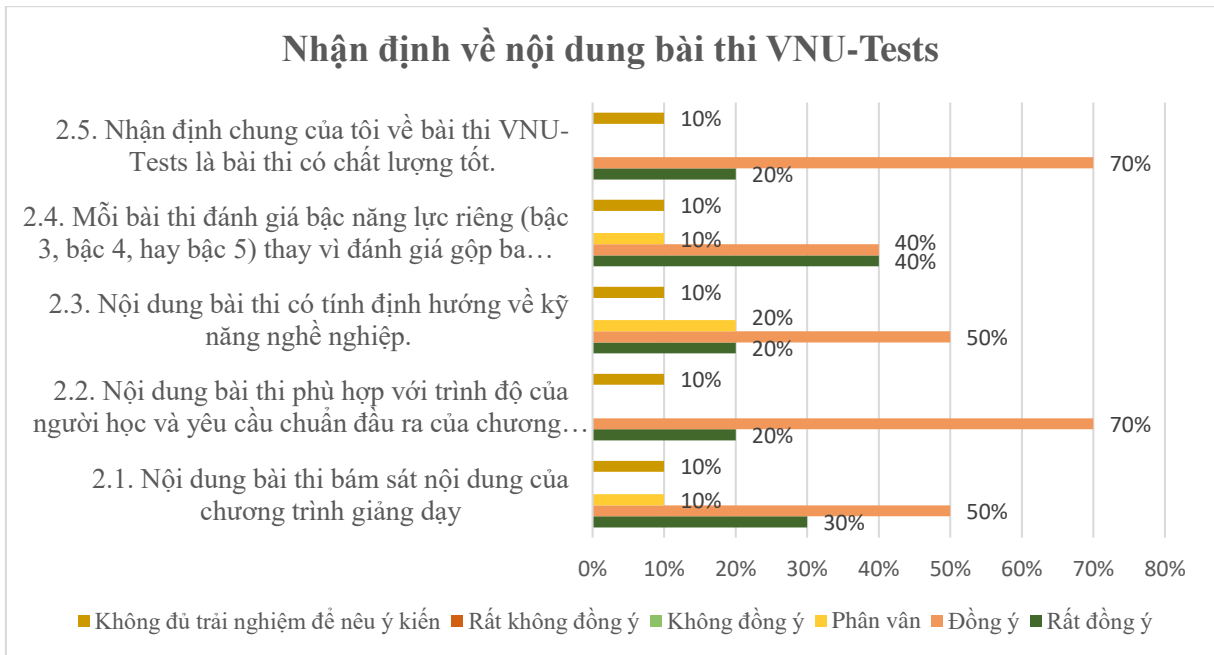
Đối với quy trình tổ chức chấm thi và phương thức tính điểm bài thi VNU-Tests, tỷ lệ cán bộ quản lý nắm rõ thông tin lần lượt là 80% và 70%. Tỷ lệ này bước đầu đã phản ánh sự thành công của công tác tập huấn chấm thi cho bài thi này tới các cán bộ quản lý. Ngoài ra, tỷ lệ này chưa cao như các nội dung khác có thể do các khoa đào tạo đang ưu tiên cử giảng viên tham gia tập huấn chấm thi trước vì các giảng viên là những người trực tiếp tham gia chấm thi thường xuyên hơn.



**Hình 1**

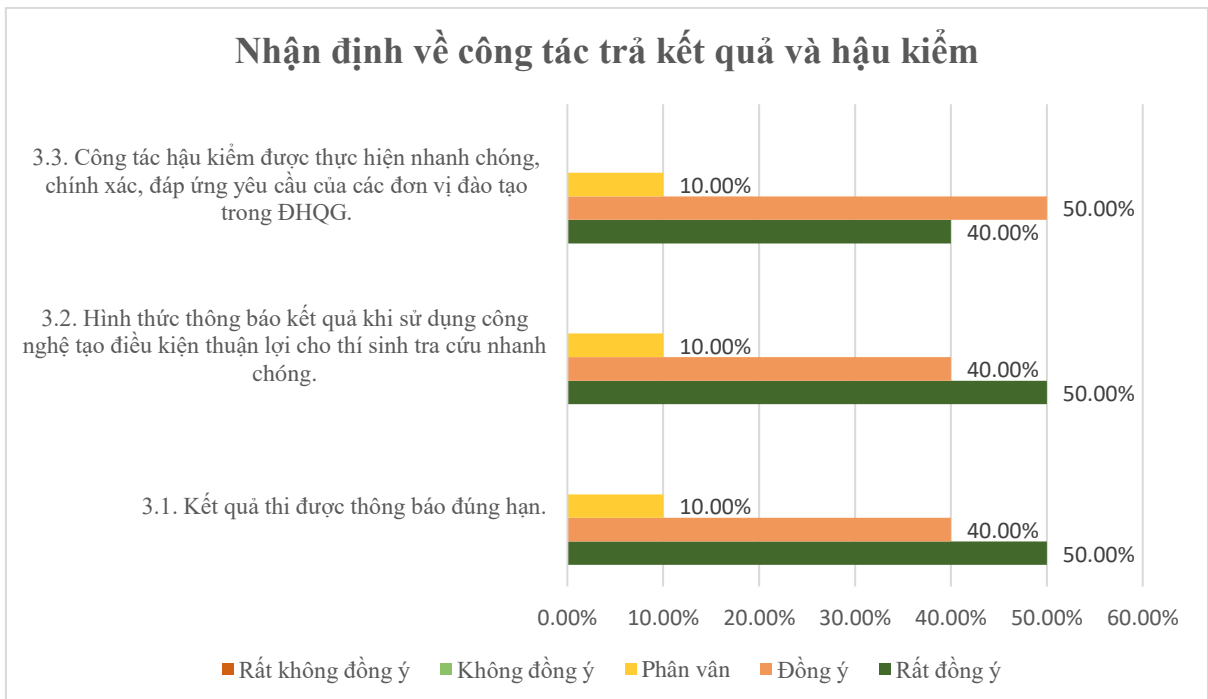
Về nội dung bài thi VNU-Tests (Hình 2), kết quả khảo sát chỉ ra các cán bộ quản lý có những phản hồi tích cực về chất lượng bài thi. 90% cán bộ quản lý được khảo sát đồng ý rằng bài thi VNU-Tests là bài thi có chất lượng tốt và phù hợp với trình độ người học và yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Thêm vào đó, 80% cán bộ quản lý đồng ý nội dung bài thi bám sát chương trình giảng dạy và bài thi VNU-Tests cắt ngang ba bậc (bậc 3, bậc 4, bậc 5) giúp hạn chế khó khăn đối với người học khi phải làm các câu hỏi cao hơn trình độ của mình. Bên cạnh những phản hồi tích cực về bài thi, một số cán bộ quản lý (20%) vẫn còn phân vân về đặc điểm định hướng nghề nghiệp của bài thi VNU-Tests. Có 10% cán bộ quản lý trả lời họ vẫn chưa đủ trải nghiệm để đưa ra nhận xét về đặc điểm định hướng này cũng như các khía cạnh nội dung khác của bài thi. Kết quả này cho thấy cần tăng cường nỗ lực trong việc làm rõ và truyền đạt các đặc điểm quan trọng của bài thi tới các cán bộ quản lý. Việc cán bộ quản lý chưa có đủ trải nghiệm có thể do bài thi VNU-Tests là bài thi mới và cần thêm thời gian để các cán bộ có thể đánh giá bài thi một cách khách quan và chính xác.





Hình 2

Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ quản lý đánh giá rất tích cực về công tác thông báo kết quả thi và hậu kiểm (Hình 3). Cụ thể, 90% cán bộ được khảo sát đồng ý rằng kết quả thi được thông báo đúng hạn, hình thức thông báo kết quả thuận tiện và nhanh chóng, công tác hậu kiểm chính xác, nhanh chóng, và đáp ứng tốt yêu cầu từ các đơn vị đào tạo.

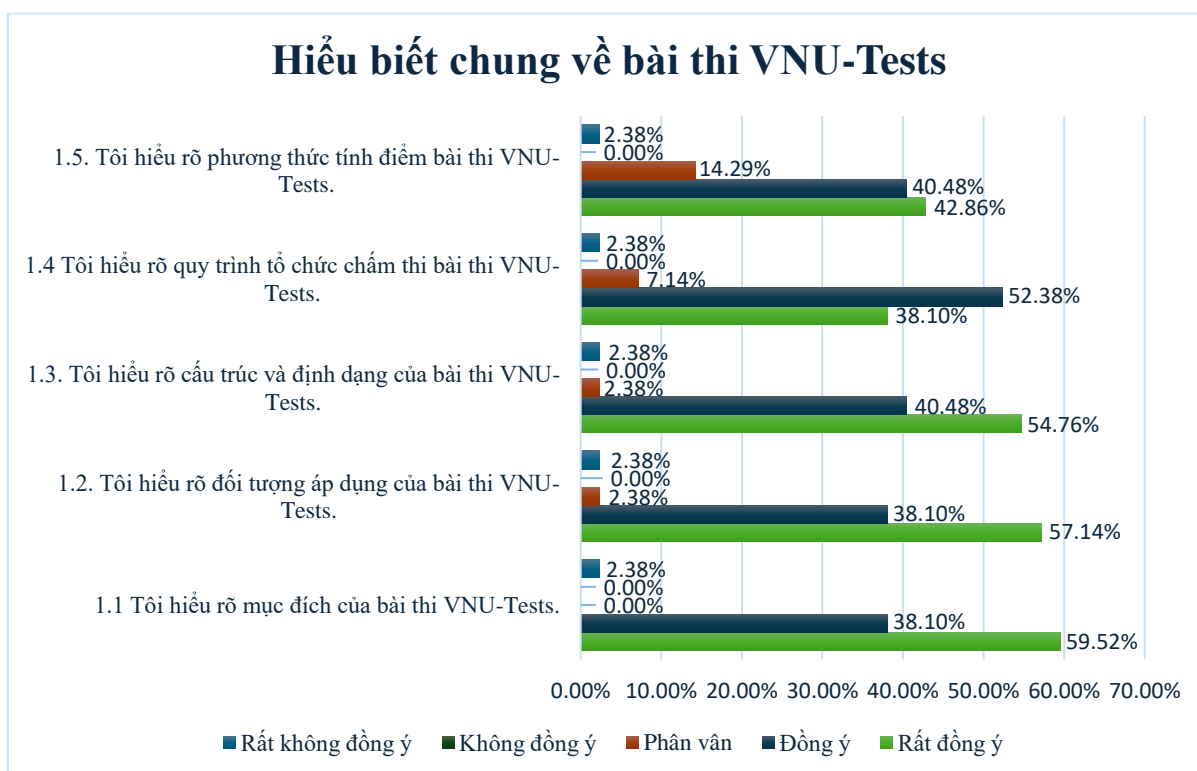


Hình 3

### 3.2.2.2. Kết quả khảo sát giảng viên về bài thi VNU-Tests

Kết quả khảo sát về hiểu biết chung của giảng viên về bài thi VNU-Tests (Hình 4) cho thấy hơn 95% giảng viên được khảo sát cho rằng họ hiểu rõ mục đích, đối tượng áp dụng, cấu trúc và định dạng của bài thi VNU-Tests. Điều này phản ánh sự thành công bước đầu của công tác truyền thông trong việc phổ biến thông tin cơ bản về bài thi VNU-Tests đến các bên liên quan, bao gồm giảng viên đang giảng dạy tại các khoa đào tạo thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Về quy trình tổ chức chấm thi, hơn 90% giảng viên được khảo sát nắm rõ thông tin, trong khi đó, tỷ lệ giảng viên hiểu biết về phương thức tính điểm bài thi đạt hơn 80%. Tỷ lệ này vẫn chưa cao như các nội dung trước, có thể do một số giảng viên chưa tham gia các khóa tập huấn ngắn hạn về ra đề thi và chấm thi cho định dạng bài thi này. Tuy nhiên, hơn 80% giảng viên nắm bắt được thông tin liên quan đến phương thức chấm điểm là một chỉ số khả quan, cho thấy thông tin về bài thi đã được truyền đạt khá rộng rãi.

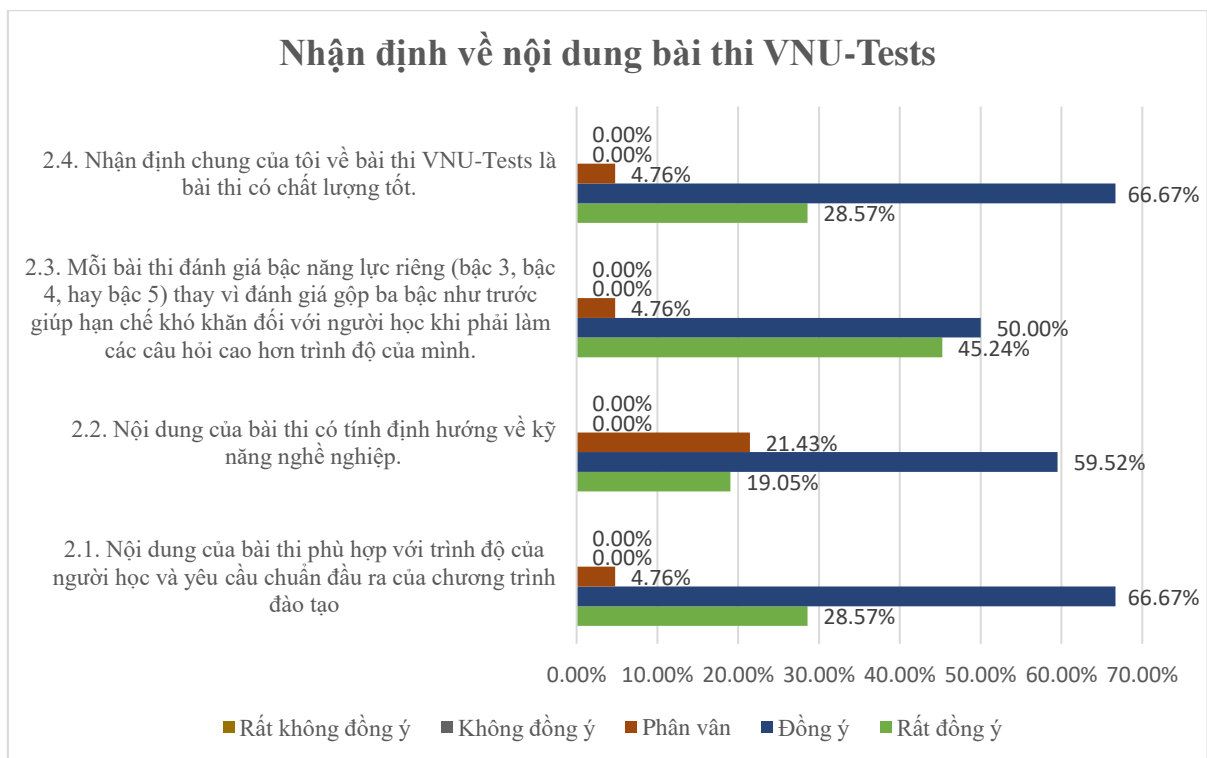


**Hình 4**

Kết quả khảo sát về nội dung bài thi VNU-Tests (Hình 5) cho thấy không có giảng viên nào bày tỏ ý kiến tiêu cực về bài thi này, mặc dù vẫn có một tỷ lệ nhỏ giảng viên bày tỏ sự băn khoăn. Cụ thể, 95.24% giảng viên được khảo sát cho rằng bài thi VNU-Tests có chất lượng. Tương ứng với nhận định chung này, 95.24% giảng viên

đồng ý rằng nội dung bài thi phù hợp với trình độ người học và yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Việc duy trì ba bài thi tương ứng với ba bậc (bậc 3, bậc 4, bậc 5) được đánh giá là ưu việt hơn so với bài thi đánh giá gộp ba bậc trước đây, vì điều này giúp giảm khó khăn cho thí sinh khi phải làm các câu hỏi vượt quá năng lực của mình.

Liên quan đến việc nội dung bài thi có định hướng kỹ năng nghề nghiệp hay không, đa số giảng viên đồng tình. Tuy nhiên, có 21.43% giảng viên bày tỏ sự băn khoăn về đặc tính này. Điều này cho thấy cần nâng cao hơn nữa hiệu quả việc phổ biến các đặc điểm quan trọng của bài thi đến các giảng viên. Đây cũng là một trong những ý kiến mà nhiều giảng viên đề xuất nhằm nâng cao chất lượng triển khai bài thi này.

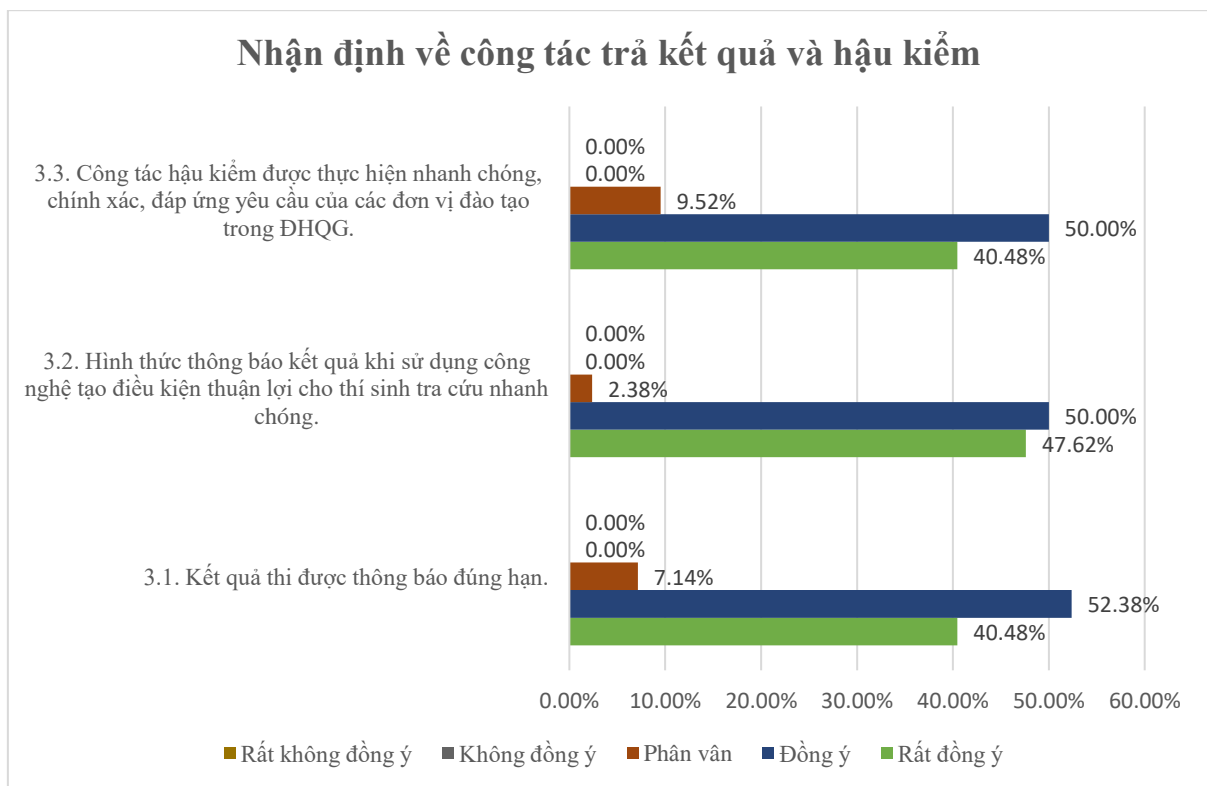


**Hình 5**

Khảo sát cho thấy giảng viên được khảo sát đánh giá cao về các khía cạnh thông báo kết quả thi và công tác hậu kiểm (Hình 6). Cụ thể, 92.86% giảng viên được khảo sát đồng ý rằng kết quả thi được thông báo đúng hạn, cho thấy sự hài lòng cao về thời gian thông báo. Về hình thức thông báo kết quả, 97.62% giảng viên cho rằng việc sử dụng công nghệ đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu nhanh chóng. Cuối cùng, 90.48% giảng viên hài lòng với công tác hậu kiểm, đánh giá rằng nó được thực hiện nhanh chóng và chính xác, đáp ứng tốt yêu cầu từ các đơn vị đào tạo. Mức độ hài lòng cao này cho

thấy những nỗ lực trong việc đảm bảo quy trình thông báo và xử lý kết quả thi đã đạt được hiệu quả tích cực.

Mặc dù đa số giảng viên hài lòng với công tác trả kết quả và hậu kiểm, vẫn có một tỷ lệ nhỏ bày tỏ sự băn khoăn, cụ thể là 7.14% về thời gian thông báo kết quả, 2.38% về hình thức thông báo và 9.52% về công tác hậu kiểm. Những băn khoăn này có thể xuất phát từ sự thiếu thông tin rõ ràng trong một số trường hợp, hoặc có thể liên quan đến trải nghiệm cá nhân khác nhau. Điều này thúc đẩy các đơn vị chuyên trách tăng cường lắng nghe và phân tích các phản hồi nhằm cải thiện quy trình và nâng cao chất lượng trong tương lai.



**Hình 6**

### 3.2.3. Ý kiến đánh giá từ các đơn vị phối hợp trong ĐHQGHN

Nhóm chuyên trách cũng đã tiến hành khảo sát đối với các đơn vị phối hợp trong khâu tổ chức thi trong và ngoài ĐHNN – các Khoa/Bộ môn đào tạo và các phòng ban chức năng của các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc trong ĐHQGHN. Dù đã gửi trực tiếp đến các đầu mối lãnh đạo, chuyên viên chuyên trách của các đơn vị trong ĐHQGHN nhưng số lượng phản hồi thuộc các đơn vị ngoài ĐHNN không nhiều (01 ĐH KH&NV, 01 ĐH KHTN, 02 ĐH Kinh tế, 02 ĐH Luật và 01 Trường KHLN&NT

bên cạnh 17 cán bộ đến từ ĐHNN). Đối tượng khảo sát là lãnh đạo các đơn vị và chuyên viên chuyên trách tham gia phối hợp các công việc liên quan đến VNU-Tests.

Dưới đây là bảng thống kê số liệu khảo sát:

Nội dung đánh giá, phản hồi	Mức điểm TB
Việc phối hợp giữa các đơn vị hiệu quả.	3.96
Các đơn vị nhận được đầy đủ thông tin về kỳ thi.	4.04
Các đơn vị được hỗ trợ khi cần.	4.00
Các đơn vị nhận được tổng hợp kết quả thi của thí sinh.	<b>3.88</b>
Đơn vị đã triển khai truyền thông, thông tin cho sinh viên/học viên về bài thi.	4.17
Sinh viên của đơn vị được khuyến khích thi.	4.25
Đơn vị nắm được kế hoạch thi của sinh viên/học viên.	4.04
Thời điểm tổ chức thi hợp lý.	4.00
Tần suất tổ chức thi phù hợp.	<b>3.92</b>
Bài thi giúp sinh viên đáp ứng các yêu cầu về ngoại ngữ.	4.13
Bài thi giúp tăng tỉ lệ tốt nghiệp của đơn vị.	4.00
Mức lệ phí phù hợp.	<b>3.92</b>

Nhìn chung các đơn vị trong và ngoài ĐHNN đều đánh giá cao các khâu phối hợp tổ chức bài thi VNU-Tests khi mức điểm trung bình chủ yếu cao hơn mức 4.00, thể hiện sự Đồng ý – Rất đồng ý với các nội dung khảo sát. Thông tin tích cực là các đơn vị nhận định bài thi giúp sinh viên đáp ứng các yêu cầu về ngoại ngữ nên đã triển khai truyền thông, khuyến khích sinh viên thuộc đơn vị dự thi. Tương tự đối tượng sinh viên, đại diện các đơn vị cũng đề xuất tăng số lượng kỳ thi được tổ chức và giảm lệ phí cho thí sinh. Riêng mục các đơn vị nhận được kết quả thi của thí sinh được đánh giá ở mức 3.88 có thể chỉ đến kết quả phân tích phổ điểm hoặc các thông tin khác về kết quả thi vì sau mỗi kỳ thi PĐT đều đã gửi kết quả thi của thí sinh đến tất cả các đơn vị có thí sinh dự thi (trừ đối tượng thí sinh tự do không ghi thông tin đơn vị).

Ngoài ra, các đơn vị cũng đưa ra các đề xuất cụ thể sau:

- Đối với các đơn vị trong Trường ĐHNN:

+ Cung cấp cho đơn vị báo cáo kết quả thi, xác trị đề thi theo từng kỹ năng sau mỗi kỳ thi.

+ Cân nhắc lại định dạng, độ khó đề thi cho phù hợp – dạng viết thư ở đề thi tiếng Trung B2 không quá quen thuộc với thí sinh; các đề thi B2 sinh viên thường phản hồi là khó.

+ Hỗ trợ thêm nhóm ra đề: tài liệu tham khảo, có thêm thời gian cho khâu ra đề.

- Đối với các đơn vị ngoài ĐHNN:

+ Tổ chức kỳ thi riêng khi kết thúc học kỳ.

+ Có lịch thi cụ thể trong năm và thông báo sớm.

+ Đề thi bám sát chương trình học.

+ Mức lệ phí ưu tiên cho sinh viên/học viên trong ĐHQGHN.

Hầu hết các nội dung các đơn vị đề xuất, đặc biệt là đề xuất của các đơn vị ngoài ĐHNN, các đầu mối phụ trách cũng đã và đang thực hiện.

### **3.3. Đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp trước và sau khi triển khai bài thi VNU-Tests**

#### **3.3.1. Tác động của VNU-Tests lên tỉ lệ tốt nghiệp của sinh viên ĐHNN**

Bài thi VNU-Tests ra đời đã giúp cho một số lượng đáng kể sinh viên ĐHNN có thể đáp ứng yêu cầu về chuẩn đầu ra ngoại ngữ chuyên (NN1) và ngoại ngữ không chuyên (NN2). Đây cũng thường là hai rào cản lớn trong việc sinh viên hoàn thành các điều kiện xét tốt nghiệp.

STT	Kỳ thi	SV đạt CĐR NN1	SV đạt CĐR NN2
1	13/01/2024	208	48
2	23/03/2024	458	106
3	12/05/2024	421	122
4	28/07/2024	302	167
<b>Tổng số</b>		<b>1389</b>	<b>443</b>

Bảng số liệu về số sinh viên nhận bằng tốt nghiệp dưới đây cũng phần nào cho thấy tác động của bài thi VNU-Tests lên tỉ lệ tốt nghiệp của sinh viên ĐHNN:

Mốc thời gian	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Nửa đầu năm	1053	817	996
Nửa sau của năm (tính đến tháng 9)	245	430	617

Số liệu được lấy ở 02 mốc là nửa đầu năm (tính đến tháng 7 cho năm 2022, 2023 và tháng 6 cho năm 2024 vì năm 2024 chỉ có 01 đợt xét TN vào tháng 6 cho nửa đầu năm) và nửa sau của năm (tính đến tháng 9 – vì năm 2024 mới có số liệu TN của tháng 9) của 03 năm gần đây. Năm 2022, 2023 chưa có bài thi VNU-Tests, năm 2024 là năm đầu tiên VNU-Tests được tổ chức. Các mốc thời gian này cũng là sau 03 kỳ thi lớn của VNU-Tests vào tháng 3, tháng 5 và tháng 7. Có thể thấy số lượng sinh viên nhận bằng của nửa đầu năm 2024 không có nhiều chênh lệch với hai năm trước đó – cao hơn 2023 nhưng thấp hơn số liệu của 2022. Tuy nhiên, số liệu của mốc tháng 9 lại cho thấy sự gia tăng đáng kể (gấp gần 1,5 lần so với năm 2023 và hơn 2,5 lần so với năm 2022). Dù việc sinh viên tốt nghiệp nhận bằng phụ thuộc vào nhiều yếu tố nhưng như đã nêu ở trên CĐR Ngoại ngữ 1 và 2 thường là hai mục tiêu khó cho sinh viên. Sau khi có kết quả các kỳ thi VNU-Tests, số liệu sinh viên được xét tốt nghiệp đã tăng lên đáng kể.

**\* Lưu ý:** Các số liệu thống kê chi tiết số sinh viên chưa tốt nghiệp theo khóa hoặc năm học cần nhiều thời gian và phối kết hợp giữa các đơn vị nên sẽ được bổ sung sau nếu có yêu cầu của Ban giám sát.

### 3.3.2. Thống kê kết quả các kỳ thi VNU-Tests đã tổ chức

STT	Đơn vị	Ngoại ngữ	Số liệu thống kê			
			Số TS theo danh sách	Số TS dự thi	Số TS đạt kết quả bậc 3,4,5	Tỷ lệ % đạt kết quả bậc 3,4,5
<b>1</b>	<b>ĐH Ngoại ngữ</b>					
	Ngoại ngữ 2 (ĐT chuẩn, CLC)	Anh bậc 3	88	<b>80</b>	75	93.8%
	Bằng kép	Anh bậc 3	4	<b>4</b>	2	50.0%
	Dự bị ĐH/ Cử tuyển	Anh bậc 3	1	<b>1</b>	0	0.0%
	Ngoại ngữ 2 (ĐT chuẩn, CLC)	Anh bậc 4	358	<b>330</b>	191	57.9%
	Bằng kép	Anh bậc 4	1	<b>1</b>	0	0.0%
	Dự bị ĐH/ Cử tuyển	Anh bậc 4	10	<b>8</b>	5	62.5%
	Khoa ĐT&BDNN	Anh bậc 4	7	<b>2</b>	0	0.0%
	Ngoại ngữ 2 (ĐT chuẩn, CLC)	Anh bậc 5	18	<b>15</b>	9	60.0%

	Bằng kép	Anh bậc 5	257	<b>230</b>	121	52.6%
	Dự bị ĐH/ Cử tuyển	Anh bậc 5	1	<b>1</b>	0	0.0%
	SPTA	Anh bậc 5	754	<b>713</b>	570	79.9%
		Nga bậc 5	77	<b>72</b>	44	61.1%
	Ngoại ngữ 2	Pháp bậc 3	20	<b>12</b>	8	66.7%
	Ngoại ngữ 2	Pháp bậc 4	27	<b>23</b>	12	52.2%
	Ngoại ngữ 2	Pháp bậc 5	1	<b>1</b>	0	0.0%
		Pháp bậc 5	142	<b>132</b>	92	69.7%
	Ngoại ngữ 2	Trung bậc 3	33	<b>32</b>	25	78.1%
	Bằng kép	Trung bậc 3	1	<b>1</b>	0	0.0%
	Dự bị ĐH/ Cử tuyển	Trung bậc 3	1	<b>1</b>	0	0.0%
	Ngoại ngữ 2	Trung bậc 4	74	<b>62</b>	18	29.0%
	Bằng kép	Trung bậc 4	17	<b>17</b>	14	82.4%
		Trung bậc 5	168	<b>162</b>	158	97.5%
	Bằng kép	Trung bậc 5	11	<b>11</b>	9	81.8%
		Đức bậc 5	128	<b>120</b>	49	40.8%
	Ngoại ngữ 2	Nhật bậc 3	19	<b>18</b>	17	94.4%
	Ngoại ngữ 2	Nhật bậc 4	29	<b>25</b>	11	44.0%
	Bằng kép	Nhật bậc 5	11	<b>11</b>	1	9.1%
		Nhật bậc 5	336	<b>317</b>	188	59.3%
	Ngoại ngữ 2	Hàn bậc 3	20	<b>11</b>	9	81.8%
	Ngoại ngữ 2	Hàn bậc 4	78	<b>72</b>	32	44.4%
	Dự bị ĐH/ Cử tuyển	Hàn bậc 4	1	<b>1</b>	1	100.0%
		Hàn bậc 5	217	<b>197</b>	116	58.9%
		Hàn bậc 5	7	<b>7</b>		chỉ thi nói
	Bằng kép	Hàn bậc 5	43	<b>37</b>	22	59.5%
	Bằng kép	Hàn bậc 5	1	<b>1</b>		chỉ thi nói
	Dự bị ĐH/ Cử tuyển	Hàn bậc 5	1	<b>1</b>	0	0.0%



	Ngoại ngữ 2	Thái bậc 3	33	<b>30</b>	21	70.0%
	Ngoại ngữ 2	Thái bậc 4	22	<b>20</b>	12	60.0%
		Ả Rập bậc 5	33	<b>33</b>	21	63.6%
<b>2</b>	<b>ĐH Giáo dục</b>					
		Anh bậc 3	46	<b>43</b>	17	39.5%
		Anh bậc 4	4	<b>3</b>	1	33.3%
		Trung bậc 3	3	<b>3</b>	2	66.7%
<b>3</b>	<b>ĐH Công nghệ</b>					
		Anh bậc 3	205	<b>184</b>	155	84.2%
		Anh bậc 4	100	<b>86</b>	50	58.1%
		Anh bậc 5	1	<b>1</b>	1	100.0%
		Nhật bậc 3	3	<b>2</b>	2	100.0%
		Nhật bậc 4	1	<b>0</b>		không thi
<b>4</b>	<b>ĐH Kinh Tế</b>					
		Anh bậc 3	9	<b>9</b>	5	55.6%
		Anh bậc 4	68	<b>60</b>	34	56.7%
<b>5</b>	<b>ĐH Luật</b>					
		Anh bậc 3	30	<b>26</b>	14	53.8%
		Anh bậc 4	3	<b>3</b>	2	66.7%
		Anh bậc 5	3	<b>3</b>	3	100.0%
		Trung bậc 3	2	<b>2</b>	1	50.0%
<b>6</b>	<b>ĐH KHXH&amp;NV</b>					
		Anh bậc 3	98	<b>89</b>	44	49.4%
		Anh bậc 4	7	<b>7</b>	6	85.7%
		Anh bậc 5	1	<b>1</b>	0	0.0%
		Pháp bậc 3	1	<b>1</b>	1	100.0%
		Trung bậc 3	50	<b>45</b>	29	64.4%
		Trung bậc 4	2	<b>2</b>	2	100.0%
		Trung bậc 5	1	<b>1</b>	1	100.0%

		Nhật bậc 4	8	<b>7</b>	5	71.4%
		Nhật bậc 5	1	<b>1</b>	0	0.0%
		Hàn bậc 3	3	<b>3</b>	2	66.7%
		Hàn bậc 4	1	<b>1</b>	1	100.0%
		Thái bậc 3	29	<b>29</b>	29	100.0%
<b>7</b>	<b>ĐH KHTN</b>					
		Anh bậc 3	33	<b>28</b>	17	60.7%
		Anh bậc 4	10	<b>7</b>	4	57.1%
		Anh bậc 5	7	<b>7</b>	2	28.6%
		Trung bậc 4	1	<b>1</b>	1	100.0%
<b>8</b>	<b>Khoa Các KH liên ngành</b>					
		Anh bậc 3	5	<b>5</b>	5	100.0%
		Trung bậc 3	2	<b>2</b>	1	50.0%
<b>9</b>	<b>ĐH Việt Nhật</b>					
		Anh bậc 3	3	<b>2</b>	0	0.0%
		Anh bậc 4	1	<b>1</b>	0	0.0%
		Nhật bậc 4	19	<b>19</b>	16	84.2%
<b>10</b>	<b>Trường Quốc tế</b>					
		Anh bậc 4	1	<b>1</b>	0	0.0%
<b>11</b>	<b>Trường QT&amp;KD</b>					
		Anh bậc 4	4	<b>3</b>	1	33.3%
<b>12</b>	<b>ĐH Y Dược</b>					
		Anh bậc 4	3	<b>3</b>	2	66.7%
<b>13</b>	<b>Xét tuyển đầu vào thạc sỹ</b>					
		Anh bậc 3	177	<b>147</b>	100	68.0%
		Anh bậc 4	31	<b>24</b>	11	45.8%
		Anh bậc 5	3	<b>2</b>	2	100.0%
		Trung bậc 3	6	<b>3</b>	0	0.0%
		Trung bậc 4	1	<b>1</b>	1	100.0%
		Hàn bậc 3	1	<b>1</b>	1	100.0%

	<b>Cộng:</b>		<b>4038</b>	<b>3681</b>	<b>2424</b>	
--	--------------	--	-------------	-------------	-------------	--

### 3.3.1. So sánh mức độ hài lòng và phản hồi từ sinh viên và giảng viên

So với bài thi VSTEP.3-5 và bài thi ĐGNL các ngoại ngữ trước đây, bài thi VNU-Tests cũng thể hiện những ưu thế nhất định:

+ Bài thi phù hợp hơn với bậc năng lực của thí sinh do là bài thi cắt ngang chỉ tập trung vào từng bậc năng lực.

+ Bài thi gắn với chương trình đào tạo nên sinh viên sẽ có thể thể hiện năng lực tốt nhất.

Các ưu điểm này cũng đã được bản thân thí sinh và giảng viên đồng tình thông qua ý kiến khảo sát về bài thi VNU-Tests nói chung và từng bài thi kỹ năng nói riêng.

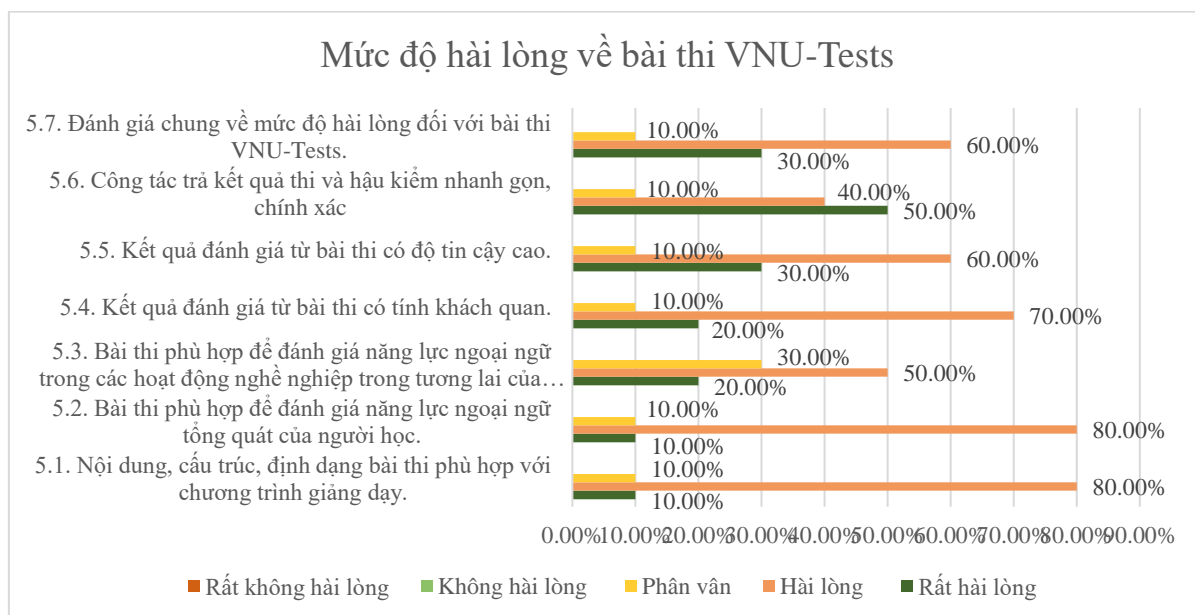
**\* Lưu ý:** Do các bài thi có mục tiêu, cấu trúc và định dạng thi khác nhau nên không hoàn toàn phù hợp và khách quan khi đưa ra sự so sánh giữa các định dạng cũ và mới. Bảng khảo sát do hai đơn vị đầu môi tiến hành cũng chưa thu thập thông tin này.

### 3.3.2. So sánh mức độ hài lòng và phản hồi từ giảng viên

#### a. Mức độ hài lòng của cán bộ quản lý về bài thi VNU-Tests

Khảo sát về mức độ hài lòng của cán bộ quản lý về bài thi VNU-Tests (Hình 7) cho thấy không có ý kiến tiêu cực nào về bài thi này. Độ hài lòng chung về bài thi đạt tới 90% trong số các cán bộ quản lý được khảo sát. Cụ thể, 90% cán bộ quản lý đánh giá rằng bài thi có nội dung, cấu trúc và định dạng bài thi phù hợp với chương trình giảng dạy, và phù hợp để đánh giá năng lực ngoại ngữ tổng quát của người học. Tương tự, tỷ lệ cán bộ quản lý đánh giá bài thi khách quan và có độ tin cậy cao đạt 90%. Công tác trả kết quả thi và hậu kiểm cũng nhận được tỷ lệ hài lòng ở mức 90%. Như vậy, kết quả này cho thấy cán bộ quản lý có độ hài lòng rất cao về bài thi VNU-Tests. Mặc dù đây là bài thi mới được triển khai nhưng kết quả này đã phản ánh độ thành công của bài thi cho đến thời điểm hiện tại. Cán bộ quản lý thể hiện sự hài lòng về những cải tiến về định dạng và cấu trúc bài thi và cho rằng bài thi đã phục vụ được đa dạng các đối tượng. Như vậy, bài thi VNU-Tests đã nhận được sự ủng hộ của phần đông cán bộ quản lý và có những kết quả khả quan.

Về khả năng đánh giá năng lực ngoại ngữ trong các hoạt động nghề nghiệp tương lai, 30% cán bộ được khảo sát thể hiện sự băn khoăn của mình. Kết quả này thống nhất với số liệu liên quan đến đánh giá về nội dung bài thi VNU-Tests ở trên. Như vậy, cần có thêm những trao đổi chuyên môn và làm rõ các đặc tính nghề nghiệp của bài thi để đảm bảo bài thi được tiến hành có hiệu quả và đạt được mục tiêu đề ra.



**Hình 7**

Với mục tiêu cải thiện chất lượng bài thi VNU-tests và các công tác khác liên quan, cán bộ quản lý đã đưa ra các góp ý cụ thể và mang tính xây dựng cao. Cán bộ quản lý mong muốn nhận được kết quả phân tích dữ liệu sau mỗi kì thi. Trên thực tế, công tác phân tích dữ liệu đang được tiến hành một cách hiệu quả và gửi tới các đơn vị đào tạo sau các đợt thi. Tuy nhiên, do một số ngoại ngữ có số lượng thí sinh còn hạn chế nên việc phân tích kết quả còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, một số cán bộ quản lý chia sẻ mong muốn được nhận thêm hỗ trợ kinh phí về công tác xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, và nhận được kế hoạch thông báo sớm về các đợt thi để công tác chuẩn bị được diễn ra kỹ càng, suôn sẻ và hiệu quả hơn.

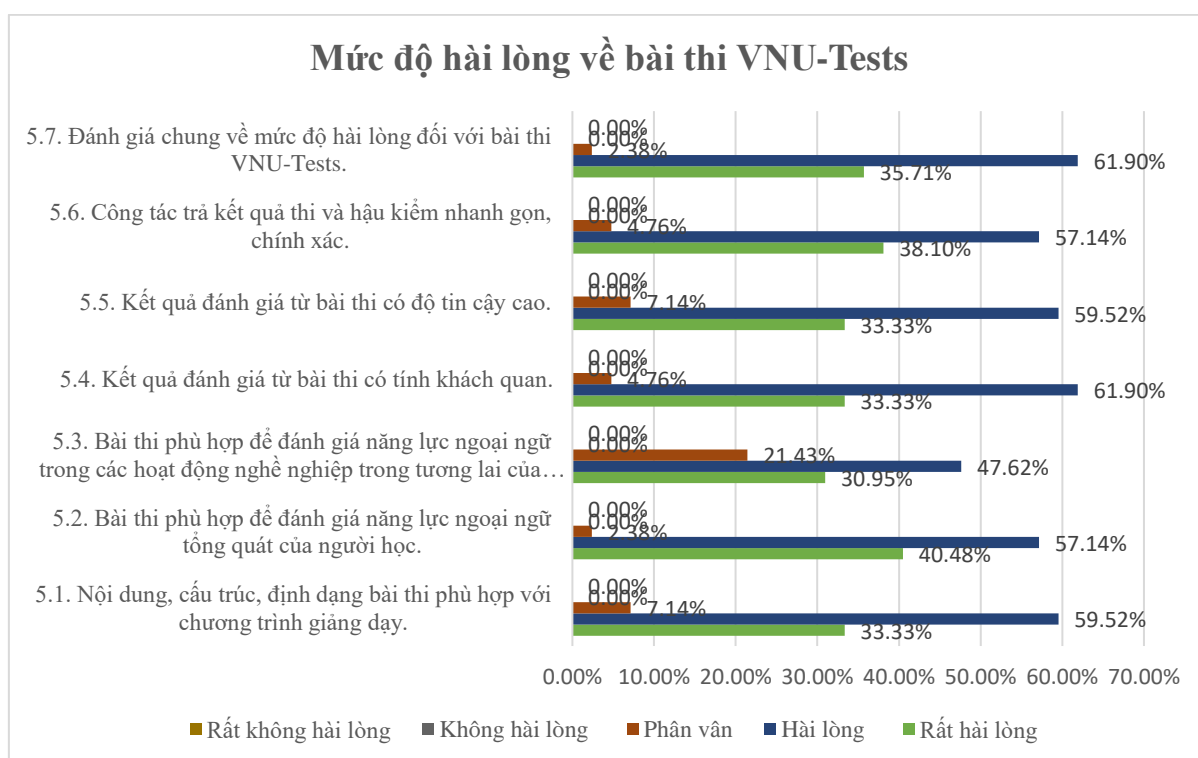
#### *b. Mức độ hài lòng của giảng viên về bài thi VNU-Tests*

Kết quả khảo sát cho thấy giảng viên đã thể hiện sự hài lòng cao về nhiều khía cạnh của bài thi VNU-Tests (Hình 8). Cụ thể, 92.86% giảng viên được khảo sát cho biết nội dung, cấu trúc và định dạng bài thi phù hợp với chương trình giảng dạy. Tương tự, 97.62% cho rằng bài thi phù hợp để đánh giá năng lực ngoại ngữ tổng quát của người

học. Về khả năng đánh giá năng lực ngoại ngữ trong các hoạt động nghề nghiệp tương lai, 78.57% giảng viên cảm thấy hài lòng, nhưng vẫn có 21.43% bày tỏ sự phân vân. Kết quả này thống nhất với hiểu biết của giảng viên về bài thi được báo cáo ở trên, đòi hỏi những cách thức thiết thực hơn nữa nhằm giúp giảng viên hiểu rõ hơn về bài thi này.

Ngoài ra, 95.24% giảng viên tin rằng kết quả đánh giá từ bài thi có tính khách quan và độ tin cậy cao. Công tác trả kết quả thi và hậu kiểm cũng được đánh giá tích cực, với 95.24% giảng viên hài lòng về sự nhanh chóng và chính xác trong quy trình này.

Đánh giá chung về mức độ hài lòng đối với bài thi VNU-Tests cho thấy 97.62% giảng viên cảm thấy hài lòng, trong đó 35.71% rất hài lòng. Giảng viên đã nêu lên nhiều yếu tố mà họ đánh giá cao, như sự đa dạng trong các chủ đề, cấu trúc bài thi dễ hiểu và tính thực tế cao. Nhiều giảng viên cho rằng nội dung bài thi phù hợp với trình độ người học và có tính định hướng nghề nghiệp, giúp sinh viên hiểu được sự cần thiết của việc áp dụng kỹ năng ngôn ngữ vào thực tế. Các ý kiến đóng góp từ giảng viên cũng cho thấy sự quan tâm đến tính cập nhật của nội dung bài thi và độ phong phú trong các loại câu hỏi. Việc bài thi được chia thành các bậc khác nhau, phù hợp với trình độ của thí sinh, cũng được đánh giá cao, vì điều này giúp đảm bảo rằng sinh viên được đánh giá bằng bài thi phù hợp với năng lực cần đánh giá của mình.



### Hình 8

Bên cạnh đó, một số giảng viên đã góp ý về các khía cạnh cần cải thiện liên quan đến bài thi VNU-Tests. Một số góp ý tập trung vào khối lượng công việc mà cán bộ ra đề và các cán bộ chuyên trách khác phải đảm nhận, đặc biệt khi mỗi năm học có nhiều kỳ thi với nhiều ngoại ngữ, mỗi ngoại ngữ lại được chia thành các bậc năng lực khác nhau. Việc chấm thi cũng được các giảng viên chia sẻ là một nhiệm vụ thách thức, đặc biệt khi cần làm quen với hướng dẫn chấm của các bậc năng lực khác nhau. Một giảng viên thậm chí đã bày tỏ rằng ban đầu cảm thấy khá lúng túng khi tham gia các khâu của kỳ thi; tuy nhiên, sau gần một năm triển khai, giảng viên đó đã cảm thấy tự tin và quen thuộc hơn với quy trình thi. Liên quan đến khía cạnh này, các giảng viên đề xuất cần có mức kinh phí phù hợp hơn cho công tác ra đề thi trong thời gian tới.

Một điểm cần cải thiện khác mà nhiều giảng viên nhắc tới là việc thiếu tài liệu ôn thi cho người học. Điều này đặc biệt quan trọng vì đây là một định dạng bài thi mới, không hoàn toàn tương đồng với các định dạng bài thi phổ biến hiện nay. Dù bài thi minh họa đã được công bố trên website của đơn vị tổ chức, nhưng tài liệu này vẫn chưa đủ để đáp ứng nhu cầu ôn luyện của người dạy và người học. Do đó, nhiều giảng viên đã đề xuất cần xây dựng các bộ tài liệu ôn luyện sát với định dạng bài thi cho các ngôn ngữ được đánh giá. Việc này cũng góp phần giúp người dạy và người học hiểu rõ hơn về mục đích, yêu cầu, cấu trúc và định dạng của bài thi VNU-Tests.

Báo cáo cho thấy mức độ hài lòng cao của giảng viên đối với bài thi VNU-Tests, phản ánh những nỗ lực trong việc thiết kế và tổ chức kỳ thi. Các đề xuất và ý kiến đóng góp từ giảng viên sẽ được xem xét để nâng cao chất lượng bài thi cũng như công tác triển khai trong tương lai, từ đó đáp ứng tốt hơn yêu cầu của giảng viên và sinh viên.

## IV. Thuận lợi, khó khăn và kế hoạch triển khai trong thời gian tới

### 4.1. Thuận lợi, khó khăn

#### 4.1.1 Về công tác tổ chức thực hiện; đội ngũ nhân sự; đối tượng thí sinh

- Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giảng viên đông đảo, có kinh nghiệm tổ chức nhiều kỳ thi chuẩn hóa. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức các đợt tập huấn diện rộng cho giảng viên trong trường về năng lực chấm thi. Tuy nhiên, thời gian tổ chức thi vào cuối tuần, có thể trùng với các lịch thi khác như VSTEP, HSK nên việc huy động nhân sự

còn gặp khó khăn. Trong các kỳ thi, PĐT có công văn gửi các đơn vị cử CBCT nhưng có 1 số đơn vị cử không đủ CBCT. Một số ngoại ngữ chưa đủ nhân sự chấm thi đã qua tập huấn để huy động cho các kỳ thi đồng thí sinh.

- Thí sinh đăng ký trực tuyến trên hệ thống theo hạn đã thông báo từ trước giúp cho việc thống kê, lên danh sách thí sinh có nhiều thuận lợi. Tuy nhiên, vẫn có nhiều thí sinh đăng ký sau khi hết hạn đăng ký chủ yếu do không nắm được thông tin (do các nguyên nhân chủ quan và khách quan). Hiện tại, Nhà trường vẫn cố gắng tạo điều kiện cho các sinh viên gần đến hạn tốt nghiệp, đối tượng thí sinh thi đầu vào thạc sỹ. Khi đó sẽ có những phức tạp nhất định cho khâu tổ chức thi khi cần thu hồ sơ, kinh phí riêng và bổ sung, điều chỉnh danh sách.

- Đối tượng thí sinh bao gồm sinh viên trong ĐHQGHN thi để xét CDR bậc đại học và các thí sinh trong và ngoài ĐHQGHN thi để xét chuẩn đầu vào bậc thạc sỹ. Các đối tượng thí sinh quá hạn, đối tượng tự do thi xác định đầu vào bậc thạc sỹ khó kiểm soát do không khai báo cụ thể mục đích dự thi. Đã có trường hợp sinh viên hết hạn xét tốt nghiệp đăng ký dự thi để xét CDR bậc đại học.

- Hệ thống đăng ký trực tuyến nhanh chóng, thuận tiện nhưng trong quá trình thí sinh đăng ký dự thi vẫn còn những trục trặc như: lỗi thanh toán, lỗi hệ thống không truy cập đăng ký được, v.v.

- Có nhiều đầu việc phát sinh chưa được đưa vào đề án ban đầu, không có kinh phí cho các đầu việc đó

- Thí sinh đăng ký dự thi, nhưng một số ngoại ngữ/bậc trình độ không đủ số lượng thí sinh dự thi theo quy định của kỳ thi, nên phải hoãn thi dẫn đến việc kỹ thuật phải cập nhật xóa thí sinh bị hoãn thi ra khỏi cổng đăng ký dự thi. Bởi đối với sinh viên Trường ĐHNN, ĐHQGHN có tính số lượt đăng ký dự thi với các định mức thi khác nhau (Như đăng ký dự thi lần 1: miễn phí, đăng ký dự thi lần 2: 400.000vnd, đăng ký dự thi lần 3: 800.000vnd).

- Sau khi gửi kết quả thi về các đơn vị, các đơn vị có phản hồi về việc tách bảng điểm theo thí sinh trực thuộc từng đơn vị, công tác tách bảng điểm khu trú theo từng đơn vị cũng tốn nhân lực và thời gian.

- Định mức đối với cán bộ phụ trách giám sát camera tại HĐT thấp hơn định mức giám sát vòng ngoài. (Theo đề án thì định mức cán bộ giám sát camera HĐT: 250.000vnd/1 buổi).

#### 4.1.2 Về chất lượng, số lượng ngân hàng/câu hỏi thi

Việc xây dựng ngân hàng đề thi cho VNU-Tests là một nhiệm vụ quan trọng nhưng đầy thách thức, nhất là khi hệ thống này bao gồm 10 ngoại ngữ và 3 bậc trình độ (bậc 3, bậc 4, bậc 5). Trong bối cảnh giáo dục ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng và sự công bằng trong đánh giá, việc phát triển các đề thi phải đảm bảo tính khoa học, khách quan và phù hợp với từng bậc học, từng nhóm đối tượng dự thi. Dưới đây là phân tích về những thuận lợi, khó khăn và đề xuất cải tiến cho công tác này.

##### a. Thuận lợi trong việc xây dựng ngân hàng đề thi VNU-Tests

###### - Hệ thống khung tham chiếu chuẩn mực

Việc có sẵn một khung tham chiếu chuẩn mực như CEFR (Common European Framework of Reference for Languages) và KNLNNVN (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) giúp công tác phát triển đề thi VNU-Tests thuận lợi hơn. Các bậc cắt ngang (bậc 3, bậc 4, bậc 5) của bài thi VNU-Tests tương ứng với bậc 3, 4, 5 của KNLNNVN và các trình độ B1, B2, C1 của CEFR, điều này tạo điều kiện cho các nhà phát triển đề thi có một cơ sở đánh giá khách quan và toàn diện.

###### - Đội ngũ cán bộ, giáo viên có kinh nghiệm, trình độ

Một trong những thuận lợi lớn là đội ngũ đội ngũ cán bộ, giáo viên có kinh nghiệm, có trình độ trong việc giảng dạy và đánh giá ngôn ngữ của ĐHNN-ĐHQGHN. Đội ngũ cán bộ, giáo viên của trường này không chỉ có kiến thức sâu rộng về ngôn ngữ mà còn am hiểu về các phương pháp đánh giá năng lực ngôn ngữ, đảm bảo các đề thi đạt chuẩn về mặt chất lượng và độ tin cậy.

##### b. Khó khăn trong quá trình xây dựng ngân hàng đề thi VNU-Tests

###### - Thiếu nhân lực

Một trong những khó khăn lớn nhất là tình trạng thiếu hụt nhân lực để tham gia vào quá trình xây dựng đề thi. Với mỗi ngôn ngữ, cần có sự tham gia của các chuyên gia giảng dạy, đánh giá và nghiên cứu, nhưng trong nhiều trường hợp, quá trình này lại tập trung vào một số lượng nhỏ nhân lực. Điều này gây áp lực lớn và làm chậm tiến độ xây dựng ngân hàng đề thi.



- *Áp lực thời gian*

Việc phát triển một ngân hàng đề thi toàn diện cho 10 ngôn ngữ, với mỗi ngôn ngữ bao gồm 3 bậc trình độ, đòi hỏi rất nhiều thời gian và công sức. Tuy nhiên, thời gian để phát triển các đề thi thường khá hạn chế do phải đáp ứng các kỳ thi định kỳ hoặc các yêu cầu đánh giá đột xuất. Điều này dẫn đến tình trạng làm việc quá tải cho đội ngũ phát triển đề thi.

- *Khó khăn trong việc đảm bảo tính tương đồng giữa các ngôn ngữ*

Dù khung chuẩn CEFR cung cấp những tiêu chí chung để đánh giá, việc xây dựng các đề thi cho nhiều ngôn ngữ khác nhau vẫn gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo tính tương đồng về mức độ khó và độ bao quát giữa các ngôn ngữ. Mỗi ngôn ngữ có đặc điểm riêng dẫn đến việc thiết kế các bài thi công bằng và chính xác là một thách thức lớn.

- *Kinh phí thấp*

Một vấn đề khác cần được đề cập là mức kinh phí chi trả cho cán bộ tham gia xây dựng đề thi còn thấp, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng công việc và động lực của đội ngũ phát triển đề thi.

Quá trình xây dựng đề thi đòi hỏi sự tập trung cao độ và rất nhiều thời gian từ khâu nghiên cứu, biên soạn đến thử nghiệm và đánh giá chất lượng đề. Tuy nhiên, mức thù lao dành cho cán bộ tham gia vào quá trình này lại chưa tương xứng với khối lượng công việc cũng như sự phức tạp của công tác ra đề. Điều này không chỉ làm giảm động lực của các chuyên gia mà còn khiến nhiều người ngần ngại khi tham gia, dẫn đến tình trạng thiếu hụt nhân lực.

## **4.2. Kế hoạch cải tiến**

### **4.2.1. Về quy trình tổ chức thi; đội ngũ tổ chức thi**

- TTKT phối hợp với Phòng TCCB tổ chức thêm các khóa tập huấn cán bộ chấm thi, đáp ứng nhu cầu nhân sự của các kỳ thi.

- Phòng ĐT, Trung tâm KT lấy ý kiến các đơn vị để xây dựng lịch thi tổng thể và hạn chế thay đổi đột xuất.

- Số lượng kỳ thi như hiện tại đã khá dày (2 tháng/1 lần) tuy nhiên có thể cân nhắc trong mỗi đợt thi có thêm các ngoại ngữ/bậc cụ thể theo đề xuất của các đơn vị.

- Thời gian nhận hủy đăng ký dự thi trước ngày thi 10 ngày.

- Thêm kinh phí để gửi tin nhắn cho thí sinh về SBD, phòng thi và lịch tập huấn thí sinh. (Hiện tại SBD và phòng thi đăng lên website của Nhà trường, nhưng Thí sinh vẫn bị lỡ các thông tin, nên việc tập huấn thí sinh chưa được chặt chẽ).

- Bổ sung mục “Mục đích dự thi – Xét CDR ngoại ngữ bậc đại học/Xét chuẩn đầu vào ngoại ngữ bậc thạc sỹ”, với mỗi mục đích đều có phân chia về các đơn vị trong ĐGQGHN trên hệ thống đăng ký để phân loại thí sinh và sàng lọc các thí sinh không đúng đối tượng.

- Lên kế hoạch xây dựng hệ thống tra cứu kết quả thi cho các đơn vị phục vụ công tác hậu kiểm.

- Lệ phí thi đã ở mức khá thấp: 800.000/sinh viên, riêng với sinh viên ĐHNN đã có chính sách miễn lệ phí thi lần đầu và giảm 50% cho lần thi thứ 2. Đề xuất giữ lệ phí thi như hiện tại và cân nhắc các quyền lợi khác như tổ chức các khóa ôn luyện.

#### **4.2.2. Đề xuất cải tiến công tác xây dựng ngân hàng đề thi**

##### *a. Tăng cường bồi dưỡng và phát triển nhân lực*

Để giảm bớt gánh nặng cho một số ít nhân lực hiện có, cần có kế hoạch bồi dưỡng và phát triển thêm đội ngũ trong lĩnh vực giảng dạy và đánh giá ngôn ngữ. Các chương trình đào tạo ngắn hạn, hội thảo, và khóa học chuyên sâu về xây dựng đề thi có thể giúp tăng cường kỹ năng và kiến thức cho đội ngũ này.

##### *b. Tận dụng công nghệ trong quy trình biên soạn và đánh giá đề thi*

Cần đầu tư vào các công cụ và phần mềm tiên tiến hơn để hỗ trợ quá trình xây dựng và đánh giá đề thi. Các nền tảng sử dụng trí tuệ nhân tạo có thể giúp phân tích mức độ khó của đề thi, đề xuất các câu hỏi tương ứng với từng bậc trình độ và đảm bảo tính công bằng giữa các ngôn ngữ.

##### *c. Tạo thêm các bộ phận chuyên trách từng ngôn ngữ*

Việc thành lập các bộ phận chuyên trách phụ trách từng ngôn ngữ hoặc nhóm ngôn ngữ có thể giúp giảm bớt khối lượng công việc cho từng cá nhân. Mỗi bộ phận sẽ phụ trách xây dựng đề thi, đảm bảo tính khoa học và phù hợp với đặc điểm riêng của từng ngôn ngữ.

##### *e. Tăng cường công tác đánh giá và phản hồi*

Để liên tục cải thiện chất lượng đề thi, cần thiết lập một hệ thống đánh giá và phản hồi sau mỗi kỳ thi. Các giáo viên, sinh viên tham gia thi có thể cung cấp những

nhận xét về mức độ phù hợp, độ khó của đề thi, từ đó đội ngũ phát triển đề có thể điều chỉnh, cải tiến các đề thi trong tương lai.

#### *f. Tăng kinh phí xây dựng đề thi*

Cần xem xét tăng cường ngân sách cho việc chi trả thù lao cho cán bộ ra đề thi, đảm bảo mức chi trả hợp lý và tương xứng với khối lượng công việc. Việc này giúp tăng cường, động viên cán bộ, giảng viên tham gia vào quá trình phát triển đề thi. Bên cạnh đó, việc tạo thêm các khoản hỗ trợ nghiên cứu hoặc khen thưởng cho những cán bộ có đóng góp xuất sắc cũng là một cách để nâng cao chất lượng đề thi và tạo sự công bằng cho đội ngũ tham gia.

### **V. Kết luận**

Sau gần một năm triển khai, việc tổ chức các kỳ thi VNU-Tests đã dần trở thành một hoạt động định kỳ. Các khâu chuẩn bị và phối hợp giữa các đơn vị đã được điều chỉnh dần để khoa học và hiệu quả hơn. Bài thi VNU-Tests cũng đã góp phần nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp của các đơn vị. Việc tổ chức thi các kỳ thi với nhiều ngoại ngữ và nhiều bậc cũng là một nhiệm vụ khá áp lực cho các đầu mối chịu trách nhiệm chính là PDT và TTKT. Cần rà soát tổng thể quy trình và các vấn đề còn tồn tại để có thể có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả và tác động tích cực của bài thi.

Ngoài ra, để đảm bảo chất lượng về kết quả thi, cần chú ý đến các yếu tố từ khâu tổ chức kỳ thi, kiểm soát quy trình, cho đến lưu trữ và bảo quản kết quả thi. Dưới đây là các cách thức cơ bản để kiểm soát chất lượng kỳ thi và kết quả thi:

#### **5.1. Cách thức kiểm soát chất lượng kỳ thi**

- Xây dựng đề thi chất lượng: Đề thi cần được thiết kế phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình học, đảm bảo độ khó hợp lý và đa dạng dạng câu hỏi để kiểm tra toàn diện kiến thức và kỹ năng của thí sinh.

- Quy trình ra đề và bảo mật: Đề thi cần được soạn thảo, thẩm định và bảo quản trong điều kiện bảo mật cao. Cần có các biện pháp bảo mật như sử dụng mã hóa, quản lý mật khẩu để tránh lộ đề hoặc gian lận.

- Quy trình tổ chức kỳ thi: Phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về tổ chức thi, từ khâu chuẩn bị phòng thi, giám sát thí sinh, đến việc xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình thi.

- Giám sát và kiểm tra: Cần có đội ngũ giám thị được đào tạo, có kỹ năng giám sát, phát hiện và xử lý các trường hợp gian lận. Ngoài ra, cần có các thiết bị hỗ trợ như camera để tăng cường tính minh bạch và kiểm soát.

- Đánh giá chéo: Có thể áp dụng việc chấm thi đánh giá chéo giữa các giảng viên hoặc các trường để đảm bảo tính công bằng, khách quan trong quá trình chấm điểm.

## **5.2. Cách thức lưu trữ và bảo quản kết quả thi**

- Lưu trữ kết quả thi trên hệ thống điện tử: Các kết quả thi nên được số hóa và lưu trữ trên hệ thống quản lý học tập hoặc cơ sở dữ liệu có bảo mật cao. Hệ thống cần có tính năng sao lưu dữ liệu định kỳ và đảm bảo an toàn dữ liệu trước các rủi ro như hỏng hóc thiết bị hoặc tấn công mạng.

- Bảo quản hồ sơ kết quả thi bằng văn bản: Đối với các tài liệu giấy, cần có nơi lưu trữ an toàn, khô ráo, tránh ẩm mốc hoặc tác động của môi trường. Các phòng lưu trữ cũng cần có biện pháp chống cháy, chống mất cắp.

- Quy trình kiểm tra và bảo mật: Người có quyền truy cập kết quả thi cần được quản lý và phân quyền rõ ràng. Chỉ những cá nhân được ủy quyền mới có thể xem và xử lý kết quả thi để đảm bảo tính bảo mật và tránh sai sót.

- Kiểm tra và rà soát định kỳ: Cần có quy trình kiểm tra, đối chiếu định kỳ dữ liệu kết quả thi trên hệ thống với bản giấy để phát hiện sớm các sai lệch hoặc lỗi phát sinh.

Việc thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp trên sẽ giúp kiểm soát tốt chất lượng kỳ thi và bảo quản kết quả thi, đảm bảo tính chính xác, công bằng, và bảo mật cho toàn bộ quá trình.

## **VI. Ý kiến của Phó Hiệu trưởng phụ trách**

Sau gần một năm triển khai bài thi VNU TEST tại ĐHQGHN, chúng ta đã đạt được một số kết quả rất đáng ghi nhận, cụ thể:

(1) Hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn, quy trình, biểu mẫu liên quan tới bài thi VNU TEST được xây dựng và ban hành kịp thời, đảm bảo đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động liên quan tới bài thi;

(2) Công tác phát triển đội ngũ bao gồm giám khảo chấm Nói, chấm Viết, cán bộ ra đề thi, cán bộ tham gia tổ chức thi được quan tâm và triển khai kịp thời, đáp ứng yêu cầu

công việc;

(3) Công tác xây dựng ngân hàng đề thi được thực hiện bài bản, đúng quy định, đảm bảo hệ thống ngân hàng đề thi đủ lớn với các ngoại ngữ và các bậc trình độ, đáp ứng các kỳ thi trong năm 2024 và đang tiếp tục xây dựng cho năm 2025;

(4) Công tác truyền thông được quan tâm và triển khai kịp thời trong toàn ĐHQGHN. Bên cạnh các sản phẩm truyền thông giới thiệu về bài thi, kế hoạch tổ chức thi, trường còn tổ chức các buổi tư vấn trực tuyến cho sinh viên của ĐHNN nói riêng và sv trong toàn ĐHQGHN nói chung;

(5) Công tác phối hợp với các đơn vị trong ĐHQGHN khá hiệu quả, nhịp nhàng;

(6) Công tác tổ chức thi và chấm thi triển khai bài bản, chuyên nghiệp, đảm bảo chất lượng;

(7) Đã chú trọng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, cụ thể đã xây dựng cổng đăng ký dự thi riêng, thí sinh đăng ký và nộp phí trực tuyến, tra cứu kết quả trực tuyến. Trong thời gian tới thiết kế thêm chức năng hậu kiểm trực tuyến để các đơn vị trong ĐHQGHN thuận tiện và chủ động thực hiện công tác hậu kiểm kết quả thi;

(8) Hoạt động hỗ trợ người học được quan tâm, cụ thể đã biên soạn bộ sách Hướng dẫn làm bài thi VNU TEST tiếng Anh bậc 3, bậc 4. Trong thời gian tới xây dựng thêm với bậc 5. Nội dung giảng dạy học phần Tiếng Anh B1 trên hệ thống LMS cũng tích hợp một số nội dung theo cấu trúc, định dạng bài thi VNU TEST, giúp người học chuẩn bị tốt cho kỳ thi;

(9) Chính sách hỗ trợ về tài chính đối với sinh viên ĐHNN được nhà trường quan tâm, cụ thể sinh viên ĐHNN thi lần 1 được miễn phí, lần 2 nộp phí 50%, từ lần thứ 3 nộp phí 100%;

(10) Công tác phối hợp giữa các đơn vị phụ trách về bài thi VNU TEST là Phòng Đào tạo, Trung tâm Khảo thí và các đơn vị liên quan rất nhịp nhàng, trao đổi thông tin kịp thời và phân công trách nhiệm rõ ràng, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác triển khai bài thi VNU TEST trong thời gian qua.

**Phụ lục 2:**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**BAN KIỂM SOÁT HĐT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2024*

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**

**Kết quả giám sát chuyên đề việc triển khai Bài thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ theo định hướng giao tiếp nghề nghiệp tại ĐHQGHN (VNU-Tests)**

**Phần I. Đánh giá tổng thể về báo cáo:****1. Tính rõ ràng và logic:**

Cấu trúc báo cáo mạch lạc với các phần chính bao gồm giới thiệu, quá trình xây dựng, triển khai và đánh giá kết quả, giúp người đọc thuận tiện trong việc nắm bắt nội dung thông tin. Tuy nhiên, một số đoạn mô tả còn trùng lặp trong Mục I.1.1 (Bối cảnh ra đời và đặc điểm nổi bật của bài thi VNU-Tests).

→ Trong phần mở đầu, việc mô tả các khó khăn liên quan đến chuẩn đầu ra ngoại ngữ quốc tế và chi phí nên được tóm lược, cô đọng và dễ hiểu hơn. Ví dụ, phần liệt kê chi phí thi của các bài thi quốc tế như TOEIC, IELTS và TOEFL cần nhắc đơn giản hóa bằng một câu khái quát, thay vì liệt kê cụ thể từng mức giá. Trong phần giải thích về tính linh hoạt và định hướng nghề nghiệp của bài thi VNU-Tests, nội dung bài thi chưa hoàn toàn phù hợp với đối tượng thí sinh có định hướng nghề nghiệp khác nhau được đề cập ở đầu và cuối của Mục I.1.1, làm giảm tính súc tích, nhất quán về nội dung.

**2. Mức độ chi tiết và đầy đủ:**

Báo cáo cung cấp thông tin chi tiết về quá trình xây dựng và tổ chức các kỳ thi VNU-Tests, tuy nhiên, chưa phân tích và đánh giá chi tiết. Cụ thể, Mục III (Các yếu tố đảm bảo chất lượng của bài thi VNU-Tests) liệt kê nhiều tiêu chí liên quan đến chất lượng của kỳ thi, như tiêu chuẩn đối với đội ngũ giám khảo, quy trình tổ chức và hệ thống đánh giá, nhưng chưa đi sâu vào việc phân tích xem xét các yếu tố này đóng góp vào việc cải thiện chất lượng kỳ thi qua từng giai đoạn.

→ Xây dựng hệ thống minh chứng dữ liệu cụ thể phản ánh mức độ cải thiện sau khi áp dụng các biện pháp đảm bảo chất lượng như sự thay đổi về độ chính xác của quá trình chấm thi hoặc mức độ hài lòng của thí sinh sau mỗi kỳ thi.

Mục II.1.2 (Quá trình xây dựng và triển khai), thời gian hoàn thành từng giai đoạn phát triển ngân hàng đề thi chưa được đề cập cụ thể. Việc thiếu thông tin về mốc thời gian cho từng giai đoạn khiến người đọc khó theo dõi và đánh giá quy trình xây dựng.

→ Báo cáo bổ sung các mốc thời gian cụ thể cho các bước như nghiên cứu, thử nghiệm và chính thức áp dụng ngân hàng đề thi, làm rõ tiến độ triển khai, tạo cơ sở đánh giá hiệu quả kế hoạch phát triển bài thi.

### **3. Số liệu và minh chứng:**

Báo cáo cung cấp nhiều số liệu liên quan đến kết quả thi, tuy nhiên các số liệu chưa được giải thích kỹ lưỡng. Cụ thể, trong Mục 2.3.3 (Phân tích, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy của đề thi; đánh giá phổ điểm kết quả bài thi qua các lần tổ chức), các chỉ số thống kê như "độ lệch skewness" và "kurtosis" được nhắc đến, nhưng chưa cung cấp phần giải thích rõ ràng về cách những chỉ số này tác động đến việc đánh giá chất lượng bài thi khiến người đọc khó nắm bắt đầy đủ về chất lượng và tính công bằng của đề thi.

→ Báo cáo cần bổ sung phần giải thích chi tiết các khái niệm thống kê như giải thích "độ lệch skewness" cho biết mức độ bất đối xứng của phổ điểm, hoặc "kurtosis" cho biết độ nhọn của phân phối phổ điểm và khả năng phân loại đề thi.

## **Phần II. Đánh giá cụ thể từng phần của báo cáo:**

### **I. Thông tin chung:**

#### **1. Độ chính xác:**

Mục I.1.1 (Bối cảnh ra đời và đặc điểm nổi bật của bài VNU-Tests) đã cung cấp thông tin chính xác về tình trạng chuẩn đầu ra ngoại ngữ của sinh viên tại ĐHQGHN. Tuy nhiên, báo cáo chưa cung cấp số liệu cụ thể minh họa cho các nhận định.

→ Báo cáo bổ sung thêm tỷ lệ sinh viên không đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tỷ lệ sinh viên sử dụng các chứng chỉ quốc tế như TOEIC, IELTS sẽ minh chứng rõ hơn về tính cấp thiết và giá trị của bài thi VNU-Tests.

## 2. Mục tiêu:

Mục I.1.1 đã mô tả rõ mục tiêu của bài thi VNU-Tests trong việc hỗ trợ sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ, tuy nhiên chưa phân tích về mức độ thành công trong việc đạt được các mục tiêu.

→ Nên có dữ liệu đối sánh giữa tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp nhờ sử dụng bài thi VNU-Tests với tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trước đây khi chỉ có các kỳ như TOEFL, IELTS, hay VSTEP, qua đó đánh giá hiệu quả của việc áp dụng bài thi trong việc hỗ trợ sinh viên trong ĐHQGHN đạt chuẩn ngoại ngữ.

## II. Tổng quan về VNU-Tests:

### 1. Giới thiệu:

Mục I.1.1 (Giới thiệu về bài thi VNU-Tests) đã trình bày đầy đủ bối cảnh và đặc điểm của bài thi, nhưng chưa cụ thể hóa hơn những lợi ích mà bài thi mang lại so với các kỳ thi quốc tế. Báo cáo chỉ tập trung vào phần lệ phí, mà chưa đề cập đến tính ứng dụng thực tế của nội dung thi và chất lượng đề thi.

→ Xây dựng ví dụ minh họa hình thức bài thi theo định hướng đào tạo khác nhau ở các khối chuyên ngành, qua đó làm nổi bật kỹ năng giao tiếp định hướng nghề nghiệp, sự linh hoạt, đa dạng của bài thi VNU-Tests trong việc hỗ trợ người học đạt điều kiện ngoại ngữ trong khối ĐHQG HN.

### 2. Quá trình xây dựng và triển khai:

Mục II.1.2 (Quy trình xây dựng và triển khai bài thi) mô tả chi tiết quy trình nghiên cứu, xây dựng ngân hàng đề thi cho đến tổ chức thi. Tuy nhiên, thông tin về các bước đánh giá và hiệu chỉnh đề thi sau mỗi kỳ thi chưa được cung cấp tường minh.

→ Bổ sung số liệu về các kỳ thi thử nghiệm, cách điều chỉnh nội dung đề thi sau mỗi kỳ thi, làm rõ hơn quá trình cải tiến và phát triển ngân hàng đề thi theo dòng thời gian. Đặc biệt, cần xây dựng quy trình đánh giá lại các câu hỏi thi sau mỗi kỳ thi như tần suất thay đổi, loại bỏ hoặc chỉnh sửa các câu hỏi không đạt yêu cầu.

### 3. Đảm bảo chất lượng:



Mục III (Các yếu tố đảm bảo chất lượng của bài thi VNU-Tests) nêu rõ các biện pháp đảm bảo chất lượng đối với quy trình tổ chức thi, đội ngũ nhân sự liên quan, chất lượng bài thi và kết quả thi. Tuy nhiên, dữ liệu cụ thể để đánh giá hiệu quả của các biện pháp này chưa được cung cấp đầy đủ. Trong Mục III.2.2.2 (Yêu cầu đội ngũ tham gia xây dựng đề thi; chấm thi; quy trình đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ra đề thi), chưa cung cấp tỷ lệ lỗi sai hoặc tỷ lệ khiếu nại về kết quả thi, con số định lượng giảm bao nhiêu sau khi thực hiện các buổi tập huấn cho giám khảo,... Mục III.2.3 (Đảm bảo chất lượng về bài thi) hiện chỉ đề cập đến quy trình kiểm soát chất lượng đề thi, chưa phân tích sâu hiệu quả của quá trình.

→ Cần nhắc bổ sung các chỉ số như tỷ lệ câu hỏi có độ khó phù hợp hay mức độ phân loại rõ ràng của đề thi qua các kỳ thi khác nhau; đánh giá tính hiệu quả của quá trình; bổ sung số liệu thống kê tỷ lệ khiếu nại về kết quả thi và cách giải quyết, qua đó đánh giá hiệu quả của quy trình tổ chức và chấm thi. Ngoài ra, cần bao quát đến việc lấy ý kiến phản hồi từ đội ngũ ra đề thi về cấu trúc, cách phân bổ câu hỏi, mức độ phù hợp giữa các bài thi ở các thứ tiếng,... nhằm cải tiến và tối ưu hóa chất lượng bài thi giữa các ngôn ngữ.

### **III. Kết quả đạt được:**

#### **1. Thống kê và phân tích:**

Mục 2.3.3 (Phân tích, đánh giá độ giá trị, độ tin cậy của đề thi; đánh giá phổ điểm kết quả bài thi qua các lần tổ chức) đưa ra nhiều số liệu thống kê về điểm trung bình, độ lệch chuẩn và phân bố điểm. Tuy nhiên, báo cáo chưa phân tích sâu hơn sự phân bố kết quả thi giữa các nhóm thí sinh (ví dụ: sinh viên đại học, học viên cao học, và thí sinh thi các ngoại ngữ khác nhau).

→ Việc đánh giá mức độ phù hợp của bài thi đối với từng nhóm đối tượng cụ thể, sự khác biệt về năng lực giữa các nhóm thí sinh cho thấy sự phù hợp của đề thi với từng nhóm thí sinh.

#### **2. Kết luận về năng lực của thí sinh và chất lượng đề thi:**

Rà soát kết quả Kỳ thi ngày 23/3/2024:

- Đề thi có độ dễ cao: Các bài thi trong Tiếng Anh bậc 3, Tiếng Trung bậc 5, Tiếng Đức bậc 5, Tiếng Hàn bậc 5 và Tiếng Thái bậc 3 có nhiều chỉ số skewness âm, cho thấy phần lớn thí sinh đạt điểm cao;

- Đề thi có độ khó cao: Các bài thi như Kỹ năng Nghe Tiếng Pháp bậc 5 và Kỹ năng Đọc Tiếng Đức bậc 5 cho thấy skewness dương, chỉ ra rằng nhiều thí sinh gặp khó khăn trong việc đạt điểm cao.

Rà soát kết quả Kỳ thi ngày 12/05/2024:

Số lượng thí sinh đạt điểm trung bình khá cao ở bậc 5 tiếng Anh, Trung, Hàn và Nhật thể hiện kết quả năng lực ngôn ngữ tương đối tốt của nhóm thí sinh. Tuy nhiên, trong một số kỹ năng (như kỹ năng Viết của tiếng Anh bậc 5) vẫn còn skewness dương cho thấy đề thi có độ khó cao hơn trình độ của thí sinh. Về chất lượng đề thi, các đề thi có độ phân loại tốt ở nhiều kỹ năng với skewness âm, phần lớn thí sinh đạt điểm cao hơn mức trung bình, đặc biệt là kỹ năng nghe và đọc. Tuy nhiên, kỹ năng nghe và đọc tiếng Nhật bậc 4 vẫn có một số biểu hiện của skewness dương, cho thấy độ khó của bài thi chưa đồng đều giữa các kỹ năng.

→ Bài thi giữa các thứ tiếng cần được điều chỉnh để đảm bảo tính công bằng và phản ánh chính xác năng lực của thí sinh; cần mở rộng sự hợp tác với các nhà giáo dục, chuyên gia, nâng cao chất lượng đội ngũ xây dựng ngân hàng câu hỏi cũng như xây dựng biện pháp kiểm soát chất lượng phù hợp để đảm bảo mức độ đồng đều giữa bài thi của các thứ tiếng.

#### **IV. Phương hướng triển khai:**

##### **1. Chiến lược rõ ràng:**

Mục 4.2 (Kế hoạch cải tiến) đã đưa ra các kế hoạch cải thiện chất lượng đề thi, xây dựng ngân hàng đề thi và bổ sung các đợt thi, tuy nhiên chưa cụ thể hóa về cách thức thực hiện.

→ Cần chỉ rõ số lượng câu hỏi dự kiến bổ sung cho mỗi kỳ thi, quy trình đánh giá lại câu hỏi, tần suất thực hiện việc cải tiến, kế hoạch mở rộng phạm vi tổ chức thi, không chỉ giới hạn trong ĐHQGHN mà còn có thể mở rộng ra khỏi trường ngoài ĐHQG để đảm bảo tính đồng bộ và nhất quán việc đánh giá năng lực ngoại ngữ cho người học.

## 2. Mức độ phù hợp:

Nội dung kế hoạch trong Mục 4.2 cần được chi tiết hóa về nguồn lực thực hiện. Đối với đề xuất mỗi đợt thi cần có thêm các ngoại ngữ/bậc cụ thể → cần làm rõ về nhu cầu bổ sung nhân sự, nâng cấp hệ thống đăng ký trực tuyến, các yếu tố liên quan đến việc đảm bảo chất lượng dịch vụ trong tổ chức thi.

## **V. Kết luận:**

### 1. Tổng kết:

Mục V (Kết luận) đã tóm tắt các điểm chính trong báo cáo, tuy nhiên các số liệu cụ thể để làm rõ những kết quả đã đạt được chưa được nhấn mạnh → thống kê tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn ngoại ngữ sau khi tham gia VNU-Tests so với trước đây, từ đó đánh giá mức độ hiệu quả của bài thi trong việc hỗ trợ sinh viên đạt chuẩn đầu ra.

### 2. Khuyến nghị:

Mục V.2 (Khuyến nghị) đã đề xuất một số biện pháp cải tiến nhưng chưa cụ thể hóa cách thức, lộ trình thực hiện.

→ Để nâng cao chất lượng, cần có lộ trình cụ thể về việc nâng cấp, bổ sung số lượng, loại hình câu hỏi trong ngân hàng đề thi; cần cải thiện phương pháp phân tích bằng cách sử dụng các công cụ phân tích thống kê chuyên sâu, như phần mềm phân tích dữ liệu kiểm tra đánh giá để hỗ trợ việc đánh giá chất lượng đề thi một cách toàn diện hơn./.